

VIỆT-NAM
VĂN-CHƯƠNG TRÍCH-DIỂM

越南文章摘艷

Biên soạn : Lý-văn-Hùng

編撰：李文雄

越華文化研究書籍介紹

新編越華辭典
新編華越辭典
華越聲韻字典
金雲翹傳評講
越南雜紀
西堤年鑑
越語三月通
越語讀本
越南文法大全

越南文章摘艷
越華翻譯文選
越華商業簿記
越華法律常識
一百篇商業應用文
公文程式
越南象棋譜
南海民族英雄傳
南天情海

山間民族
原野
遼國紀趣
神虎
寶劍英雄
瀝血鍾情
龍齋詩集
嘉定通誌註釋

VIỆT-NAM
VĂN-CHƯƠNG TRÍCH-DIỂM

越南文章摘艷

thuongmaitruongxua.vn

Biên soạn : Lý-văn-Hùng

編撰：李文雄

CHÂN-TRUNG VIỆT VĂN CHUYÊN KHOA TRUNG HỌC

Địa chỉ : số 150/5, Đường Nguyễn-huỳnh-Đức SAIGON

振中越文專科中學

通訊處：西貢阮黃德街門牌一五〇/五號

Bảng mục lục 目錄表

Trang 頁	Tác phẩm	作品
1	Tiền Nguyên-Nhị đi sứ An-Tây	送元二使安西
2	Đề chỗ viếng năm xưa	題昔所見處
4	Đêm khuya thuyền đậu bến Phong-kiều	楓橋夜泊
5	Ở trên lầu bờ sông nhớ bạn	江樓書懷
6	Đi đã lâu trở về	久客回家
7	Bài hát châu Lương	涼州詞
8	Buổi sáng rời thành Bạch - Đế	早發白帝城
9	Thanh bình điệu	清平調
12	Tuyết mai	雪梅
13	Lên cao	登高
14	Thu hứng	秋興
15	Lầu Hạc - vàng	黃鶴樓
16	Tương tiến tửu	將進酒
18	Binh xe hành	兵車行
20	Xuân giang hoa nguyệt dạ	春江花月夜
22	Tương tư	長相思曲
24	Tiết phụ ngâm	節婦吟
25	Nhớ nàng Ngọc-Lan	憶陳玉蘭
26	Trường hận ca	長恨歌
31	Tỳ - bà hành	琵琶行
35	Phò giá về kinh	從駕還京
35	Thuật hoài	述懷

36	Cảm hoài	感懷	56	Thề non nước	河山盟
37	Qua cửa sông Bạch-Đằng	過白滕江口	57	Chí làm trai	男兒志
38	Đề động Hồ - công	題壺公洞	58	Sầu	愁
39	Thơ cầu hiền	求賢詩	59	Tặng hai ả Hồng - Tuyết	贈紅雪兩妹
40	Vịnh cảnh Cần - Giờ	頭屯海口即景	60	Trùng phùng	重逢
41	Bài thơ tuyệt mạng của Thủ-Khoa-Huân	首科勦絕命詩	61	Ngán đời	厭世
42	Xa nước	去國	62	Vịnh Hàn - Tín	詠韓信
43	Biệt hữu	別友	63	Phong cảnh Hương - sơn	香山風景
43	Thuật hoài	述懷	64	Nên đi xa mà học	要遠行求學
44	Chí thành thông thánh	志成通聖	65	Hồ nhớ rừng	虎思林
45	Kinh-Kha nhập Tần	荊軻入秦	66	Bài hát đố	猜謎歌
46	Trêu ả bán chiếu gon	戲賣席女郎	67	Đáp câu đố	猜謎語
46	Đáp	答	68	Tích dư xuân từ	惜餘春詞
47	Qua đèo Ngang	過橫山	69	Quy khứ lai từ	歸去來辭
48	Đánh đu	打鞦韆	71	Ngũ-Liễu tiên sinh truyện	五柳先生傳
49	Vịnh cái quạt	詠扇	72	Đề vương các tự	滕王閣序
49	Khóc ông phủ Vĩnh - tường	哭永祥府尹	76	Văn tế Thạch-man-Khanh	祭石曼卿文
50	Người sợ hai vợ	嘲齊人	78	Nhạc dương lâu ký	岳陽樓記
50	Thơ giã bà vợ	別內詩	80	Bài thuyết yêu hoa sen	愛蓮說
51	Điếu khóc Phan công Thanh-Giản	哭弔潘公清簡	81	Tiền Xích - bích phú	前赤壁賦
52	Tôn phu nhân quy Thục	孫夫人歸蜀	84	Hậu Xích-bích phú	後赤壁賦
53	Gởi bạn tri tâm	寄知心人	86	Bài chiếu dời đô của Lý-thái-Tổ	李太祖遷都詔
53	Quy triều	歸樵	87	Bài hịch dụ các tỳ - tướng	諭諸將 將檄文
54	Thu khuê oán	秋閨怨	92	Văn tế vua Quang - Trung	祭光中帝文
55	Tống biệt	送別	94	Bài ký non nước Ba - bể	三海湖山誌

送元二使安西 王維

渭城朝雨浥輕塵
勸君更盡一杯酒

客舍青青柳色新
西出陽關無故人

Tổng Nguyên - Nhị sứ An - tây

Vỹ - thành triều vũ áp khinh trần,
Khách xá thanh - thanh liễu sắc tân,
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
Tây xuất Dương - quan vô cố nhân.

VƯƠNG - DUY

Tiền Nguyên - Nhị đi sứ An - tây

I

Mưa xuân bay ướt bụi trần (Vọng-Phu)
Mừng xuân tơ liễu trước sân rườm - rà. (Hoa-Tiên)
Tiền đưa một chén quan - hà, (Thủy-Kiều)
Buồn vì đất khách ai là cố nhân. (Lữ-Hoài ngâm)

PHAN-MẠNH-DANH dịch
Lời tập cú

II

Mưa mai rưới bụi Vỹ - thành,
Ngày xuân quán khách liễu xanh rợp trời;
Mời anh cạn chén này thôi,
Dương - quan ra đó không người quen thân.

THỨC - NHƯ

註：王維，號搥摩，河南登封縣人，詩書畫號稱三絕，與李杜齊名。潘孟名先生(1865—1942)南定省扶江人，工詩善畫，著有筆花春夢古詩摘譯等作品。與朱孟楨先生同為一時瑜亮。式如先生名陳文檢，生於1892年，永天省香茶郡清涼鄉人，居於岷港。昔仕南朝，現任順化古學會活動會員。著有漢詩越譯稿本，然名山抱璞，未為時賞，奈何！

題昔所見處 崔護

去年今日此門中 人面桃花相映紅
人面不知何處去 桃花依舊笑東風

Khứ niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện bất tri hà xứ khứ?
Đào hoa y cựu tiếu đông - phong!

THÔI - HỘ

Đề chỗ viếng năm xưa

I

Lét trông cửa tía mấy trùng (Ngọc-Hoa)
Vẻ hồng kia với má hồng đua tươi (Ngọc-kiều-Lê)
Trông theo nay chẳng thấy người (Chinh-phụ ngâm)
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông (Thúy-Kiều)

PHAN-MẠNH-DANH

II

Cửa này, năm trước cũng hôm nay,
Mặt ngọc, hoa đào, ánh đỏ hây.
Mặt ngọc đi đâu mà chẳng thấy?
Hoa đào cười gió hây còn đây!

PHAN-THÊ-ROANH

III

Hôm nay, năm ngoái, cửa cài,
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi.
Mặt người chẳng biết đâu rồi?
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông.

TRẦN-TRỌNG-KIM

IV

Cửa này năm ngoái thấy bên trong,
Vẻ thắm đào tươi yểu má hồng,
Nay chẳng thấy người đâu đó tá?
Hoa đào còn cọt với đông - phong.

TÔN-THẮT-LƯƠNG

V

Bữa nay năm ngoái chốn qua chơi,
Mặt ngọc, hoa đào óng-ánh tươi.
Mặt ngọc ngày nay đâu vắng tá?
Hoa đào còn đó nhớn-nhờ cười.

TRÚC - KHÊ

VI

Năm ngoái hôm nay trong cửa này,
Hoa đào má thắm ánh hồng lây.
Mà nay má thắm về đâu nhỉ?
Cười gió hoa đào chẳng đổi thay.

GIANG - PHU

崔護博陵人，風流瀟灑，清明郊遊，邂逅女子倚佇桃花下。明年再訪，女已不見，惆悵題詩於戶。女睹詩一慟欲絕，幸崔及時馳至，悠然復甦，有情人終成眷屬。

潘梯瀛字雲生，潘孟名翁之哲嗣，工詩文，前任西貢師範大學副監督，著有典故，科學，電學，化學等書。

陳重金字麗神，一九四五年任順化皇朝首相，著有越南史畧，金雲翹註譯，唐詩選譯，儒教，道教，佛學，王陽明學，越南文苑等書。

尊室良，阮朝宗室，任職順化啟定中學教授，註釋宮怨，花箋記等書。

竹溪名吳文篆。江桴著有唐詩選艷，俱三十年前北越名士。

楓橋夜泊 張繼

月落烏啼霜滿天
姑蘇城外寒山寺

江楓漁火對愁眠
夜半鐘聲到客船

Phong kiều dạ bạc

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô - Tô thành ngoại Hàn - Sơn tự,
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

TRƯƠNG-KẾ

Đêm khuya thuyền đậu bến Phong-kiều

I

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây ánh sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô - Tô.
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn - Sơn.

TÂN - ĐÀ

II

Sương ngậm vàng trăng tiếng quạ kêu.
Giấc sầu cây bến lữ thuyền khêu.
Hàn - Sơn chùa cảnh Tô - thành đầy,
Mến khách thuyền đêm chuông tới trêu.

KIỀU-DIỆU-HƯƠNG

註：張繼字懿孫，天寶進士，仕至戶部員外郎。

寒山寺在姑蘇（吳縣）西七里，古鐘今猶存在。

李沅原名阮克孝（1899—1939）一九二四年主持友聲雜誌筆政，詩文並茂，繙譯中國詩經，大學，名震一時。

江樓書懷 趙嘏

獨上江樓思悄然
同來玩月人何在

月光如水水如天
風景依稀似去年

Giang lâu thư hoài

Độc thương giang lâu tư thiếu nhiên,
Nguyệt quang như thủy, thủy như thiên.
Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại?
Phong cảnh y hy tự khứ niên!

TRIỆU - HỒ

Ở trên lầu bờ sông nhớ bạn

Giang lâu thơ - thẩn một mình,
Long-lanh trắng nước, mông-mênh nước trời.
Người cùng thương nguyệt đâu rồi?
Phong-quang phảng-phất như hồi năm xưa!

TRẦN-TRỌNG-KIM

II

Một mình thơ - thẩn lên lầu,
Ánh trắng, bóng nước lẫn màu trời mơ.
Vắng người chung ngắm trăng xưa?
Mà phong-cảnh cũ bây giờ còn nguyên!

GIANG - PHU

註：趙嘏字承祐，山陽人，會昌進士，官渭南尉。

久客回家 賀知章

少小離家老大回 鄉音未改鬢毛催
兒童相見不相識 笑問客從何處來

Cửu khách hồi gia

Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi,
Hương âm vị cải, mấn mao thôi.
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức,
Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai?

HẠ-TRI-CHƯƠNG

Đi đã lâu trở về

Ra đi thuở bé, lão về nhà.
Giọng nói không thay, tóc đổi xa.
Lũ trẻ quanh nhìn quên nét mặt,
Cười cười hỏi khách xứ nào ra?

GIANG - PHU

II

Trẻ nhỏ xa nhà già trở lại.
Giọng người không đổi tóc lông thay.
Trẻ con bỏ--ngỡ nhìn không biết.
Cười hỏi từ đâu khách đến đây?

MÁCH - LÊO

註：賀知章，唐天寶進士，放浪詩酒，自號四明狂客。

涼州詞 王翰

葡萄美酒夜光杯 欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑 古來征戰幾人回

Lương - châu từ

Bồ - đào mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ - bà mã thượng thôi.
Túy ngọa sa - trường quân mạc tiếu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?!

VƯƠNG - HÀN

Bài hát châu Lương

I

Rượu đào chuốc chén dạ - quang,
Giục người lên ngựa, tiếng đàn xô - xao.
Say nằm bãi cát có sao,
Xưa nay chinh chiến được bao người về?!

GIANG - PHU

II

Rượu nho kéo chén lưu-ly,
Uống thì lên ngựa tiếng tỳ giục sôi.
Say nằm bãi cát chớ cười,
Xưa nay chinh chiến mấy ai đã về?!

TRẦN-TRỌNG-KIM

註：王翰字子羽，晉陽人，舉進士，恃才豪邁，舉直言極諫，調昌樂尉，又貶道州司馬。

涼州今甘肅省威武縣。

涼州詞乃西域龜茲國樂譜。

早發白帝城 李白

朝辭白帝彩雲間 千里江陵一日還
兩岸猿聲啼不住 輕舟已過萬重山

Tảo phát Bạch - Đế - Thành

Triều từ Bạch - Đế thái vân gian,
Thiên - lý Giang - Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trú,
Khinh châu dĩ quá vạn trùng san.

LÝ - BẠCH

Buổi sáng rời thành Bạch-Đế

I

Bạch - thành cao ngút chân mây,
Giang - Lăng sáng xuống, tối ngày đến nơi.
Hai bờ tiếng vượn toi - bời,
Núi dài thuyền đã qua rồi không hay.

GIANG - PHU

II

Sớm từ Bạch - Đế giữa mây,
Giang - Lăng nghìn dặm một ngày đến nơi.
Hai bờ tiếng vượn kêu hoài,
Thuyền mau đã khỏi dãy dài núi cao.

TRẦN-TRỌNG-KIM

註：李白山東人（一說龍西）天寶初召見於金鑾殿，賜翰林院學士，草答番書，世號為謫仙。乾元二年以附王承瑊罪牽連，流貶江南，縱情詩酒，晚年終於牛渚磯。

清 平 調 李白

(一) 雲想衣裳花想容 春風拂檻露華濃
若非羣玉山頭見 會向瑤台月下逢

(二) 一枝秾豔露凝香 雲雨巫山枉斷腸
借問漢宮誰得似 可憐飛燕倚新妝

(三) 名花傾國兩相歡 常得君王帶笑看
解釋春風無限恨 沉香亭北倚闌干

Thanh bình điệu

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung.
Xuân phong phất hạm lộ hoa nùng.
Nhược phi Quần-ngọc sơn đầu hiện,
Hội hướng Dao - đài nguyệt hạ phùng.

Nhất chi nùng diễm, lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu - sơn uổng đoạn trường.
Tá vấn Hán - cung thùy đắc tự ?
Khả liên Phi - Yến ý tân - trang.

Danh - hoa khuynh - quốc lưỡng tương hoan,
Thường đắc quân - vương đối tiểu khan.
Giải thích xuân phong vô hạn hận,
Trầm - hương đình bắc ý lan - can.

LÝ - BẠCH

Điệu hát Thanh - bình

I

Xiêm áo như mây, mặt tựa hoa,
Hương nồng bên triện gió xuân qua;
Vị không gặp - gỡ đầu non ngọc,
Âu cũng dài Dao dưới bóng nga.

× × ×

Một cảnh tươi tốt đượm màu hương,
Giấc mộng mây - mưa uống vắn - vương;
Ướm hỏi Hán - cung ai sánh kịp,
Phấn son Phi - Yến cũng xin nhường.

× × ×

Danh hoa khuynh - quốc vẻ đua tươi,
Nên được Quân - vương ngắm lại cười;
Giữ sạch gió đông bao nỗi giận,
Đình Trầm đang lúc tựa lan chơi.

PHAN-THẾ-ROANH

II

Sương hoa đẹp, gió xuân êm,
Mây trôi nhớ áo, hoa duyên tưởng người.
Tìm trên non Ngọc vắng hơi,
Lại tìm dưới chốn nguyệt soi Dao - dài.

× × ×

Một cảnh hương thấm sương tươi,
Mây mưa đình Giáp cho ai cực lòng.
Hỏi xem người ngọc Hán - cung,
Nàng Phi tô - điểm bao công mới là ...

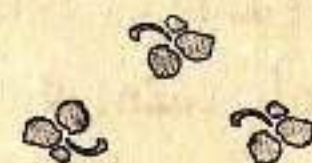
× × ×

Này đôi quốc - sắc, danh hoa,
Quân - vương vui ngắm thiết - tha mấy tình.
Gió xuân xóa nỗi bất - bình,
Dựa lan - can đứng bên đình Trầm - hương.

GIANG - PHU

III

Mây tưởng áo xiêm, hoa tưởng mặt,
Được gió xuân khí chất tốt bưng.
Trên Quần - ngọc đã thấy chẳng,
Hoặc Dao - dài gặp dưới trăng ngày nào.



Một cảnh đỏ tốt hương một khối,
Buồn mây mưa trên núi Vu - sơn.
Hỏi Hán - cung đã ai hơn,
Họa chẳng Phi - Yến mới toan sánh cùng.



Khuynh quốc với danh hoa vừa thích.
Đẳng quân vương khúc - khích vui cười.
Gió xuân xiết nỗi bụi-ngùi,
Trầm - hương - đình bắc dựa ngoài lan - can.

• TRẦN-TRỌNG-KIM

註：開元中，牡丹，芍藥繁開，帝於沉香亭賞名花，對妃子，命李白作清平調三章，令梨園子弟略撫絲竹以促歌，帝自調玉笛以倚曲。

羣玉山，西王母所居。瑤台，仙女所遊。

篇中描寫玄宗媚態，貌似頌揚，實寓諷刺。

雪 梅 盧梅坡

- (一) 梅雪爭春未肯降 騷人攔筆費評章
梅須遜雪三分白 雪却輸梅一段香
- (二) 有梅無雪不精神 有雪無詩俗了人
日暮詩成天又雪 與梅并作十分春

TUYẾT MAI

Mai tuyết tranh xuân, vị khẳng hàng.
Tao nhân các bút, phí bình chương;
Mai tu tổn tuyết tam phân bạch,
Tuyết khước thâu mai nhất đoạn hương.

× × ×

Hữu mai vô tuyết, bất tinh thần:

Hữu tuyết vô thi, tục liễu nhân.

Nhật mộ thi thành, thiên hữu tuyết,

Dữ mai tinh tác thập phân xuân.

LU-MAI-PHA

TUYẾT MAI

Mai tuyết tranh xuân, chửu chịu hàng;
Người thơ gác bút, tổn bình chương.
Mai cần nhường tuyết ba phân trắng,
Tuyết lại thua mai một đoạn hương.

× ×

Có mai không tuyết, chẳng tinh thần;

Có tuyết không mai, đã tục trần.

Ngày xế, xong thơ, trời lại tuyết,

Với mai cùng tạo mười phân xuân.

VŨ-ĐỨC-TRINH

註：梅飄香而送暖 雪六出以知春，其丰韻各有勝處。然有梅須有雪，更有詩人欣賞，方饒高潔之妙。

登 高 杜 甫

風急天高猿嘯哀 渚清沙白鳥飛迴
無邊落木蕭蕭下 不盡長江滾滾來
萬里悲秋常作客 百年多病獨登台
艱難苦恨繁霜鬢 潦倒新亭濁酒杯

ĐĂNG CAO

Phong cấp thiên cao viên tiếu ai,
Chư thanh sa bạch diêu phi hồi.
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ,
Bất tận Trường giang cồn cồn lai.
Vạn lý bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh độc đăng đài.
Gián nan khổ hận phồn sương mấn,
Lão đảo tân đình trọc tửu bôi.

ĐỖ - PHU

LÊN CAO

Gió gáp, trời cao, vượn hú ôi;
Cồn trong, cát trắng, chim bay lùi.
Mênh mông lá rụng lao xao xuống;
Liên lý, sông dài cuộn cuộn trôi.
Muôn dặm buồn thu, thường đóng khách;
Trăm năm nhiều bệnh, lẻ lên đài.
Gián nan, rất bận, thêm sương tóc;
Lão đảo, vừa ngưng, đục chén mồi.

VŨ - ĐỨC - TRINH

註：杜甫字子美，號少陵，陝西鄜州交郡人，天寶末陷賊營，後脫險入蜀，至德二年拜左拾遺，乾元二年出為華州司功參軍。詩句工整，憂國傷時之意溢於言表。世稱詩聖，與李白齊名。

登高詩乃公入蜀居白帝城時作。以肺病斷酒，故曰新停。武德貞神父，精通越南，中華，拉丁，英，美，法，德等國文字，環遊二十九國，考察社會文藝教育，著述越英文對照極豐富。

秋興 杜甫

玉露凋傷楓樹林
江間波浪兼天湧
叢菊兩開他日淚
寒衣處處催刀尺

巫山巫峽氣蕭森
塞上風雲接地陰
孤舟一繫故園心
白帝城高急暮砧

THU HỨNG

Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
Vu - sơn Vu - giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
Cô châu nhất hệ cổ viên tâm.

Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch - đê thành cao cấp mộ châm.

ĐỖ PHỦ

THU HỨNG

Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn Vu hiu - hắt khí thu già.
Lừng trời sóng gợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa.
Khóm cúc tuôn đôi hàng lệ cũ,
Con thuyền buộc một mối tình nhà.
Lạnh lùng giục kẻ tay đao - xích,
Thành quanh đồn chầm bóng ác tà.

PHAN-HUY-VỊNH

註：潘輝永，潘輝益之孫，山西省國威府瑞奎社人。

黃鶴樓 崔顥

昔人已乘黃鶴去
黃鶴一去不復返
晴川歷歷漢陽樹
日暮鄉關何處是

此地空餘黃鶴樓
白雲千載空悠悠
芳草萋萋鸚鵡洲
煙波江上使人愁

Hoàng - hạc lâu

Tích nhân dĩ thừa Hoàng - hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng - hạc lâu.
Hoàng - hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du - du.
Tĩnh xuyên lịch - lịch Hán - dương thụ,
Phương thảo thê - thê Anh - vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu!

THÔI - HẠO

Lầu Hạc - vàng

Người xưa đã cỡi hạc đi,
Đất này còn dấu lầu ghi Hạc - vàng.
Hạc - vàng đi chẳng trở sang,
Nghìn năm mây trắng menh - mang dầu - dầu.
Hán - dương cây điểm một màu,
Bãi Anh - vũ đó cỏ khâu xanh đầy.
Chiều tà quê quán đâu đây?
Trên sông đợt sóng khói gây lòng buồn.

LÝ-VĂN-HÙNG

註：崔顥汴州人 開元間進士。相傳李白見此詩而攔筆，認為絕唱故也。黃鶴樓在湖北武昌城北黃鶴磯，相傳仙人王子安乘黃鶴過此而得名。一說費文禕駕鶴憩此。鸚鵡洲在漢口南岸，黃祖殺禰衡處。

將進酒 李白

Tương tiến tửu

LÝ - BẠCH

Há chẳng thấy trên trời sa xuống,
Nước Hoàng-hà cuộn cuộn tung xuôi.
Một đi, đi mãi ra khơi,
Có bao giờ lại phải - hồi nữa đâu ?

君不見黃河之水
天上來
奔流到海
不復回

Lại chẳng thấy trên lầu gương tỏ,
Mái tóc càng soi rõ màu sương.
Sáng như tơ chứa nhuộm vàng,
Chiều đà như tuyết nghĩ thương thân già.

又不見高堂明鏡
悲白髮
朝如青絲
暮如雪

Cho nên lúc gặp ta đặc ý,
Phải chơi cho phỉ chí con người,
Chén vàng chớ để cho vơi,
Đáy không nhìn bóng trăng soi bẽ-bàng,

人生得意
須盡歡
莫使金尊
空對月

Sinh ta có tài - năng chí - khí,
Ắt trời không bỏ phí không dùng.
Ngàn vàng không cũng là không,
Hết xong lại có, mất xong lại về.

天生我才
必有用
千金散盡
還復來

Thì hãy mổ trâu dê mà khoái,
Tụ cho đông uống mãi cho say.
Rót ba trăm chén rượu đầy,
Một lần tu cạn một hơi mới đành.

烹羊宰牛
且為樂
會須一飲
三百杯

Nào Sầm-tử, Đan-sinh đâu tá ?
Chớ ngừng tay, rót nữa đừng thôi.

Vì mình ta hát khúc chơi,
Vì ta mình hãy lắng lời mà nghe.

Dấu soạn ngọc chẳng gì đáng quý,
Chỉ cần cho túy lý mà thôi.

Thánh hiền chết cũng lấp vùi,
Còn tên để lại, họa người say sưa.

Yến Bình - lạc ngày xưa vui thú,
Trần-vương mời rượu hū thập thiên.

Chủ nhân hãy uống chớ phiền,
Chớ sao than nỗi không tiền với ta ?

Này đây ngựa năm hoa một cổ,
Này nghìn vàng cả bộ áo lông.

Trẻ đâu ! đổi lấy rượu nồng,
Cùng người, cùng giải sầu trong vạn đời.

岑夫子 丹丘生
將進酒，杯莫停
與君歌一曲，
請君為我傾耳聽

鐘鼓饌玉不足貴，
但願長醉不願醒，
古來聖賢皆寂寞，
惟有飲者留其名。

陳王昔時宴平樂
斗酒十千恣歡譔
主人何為言少錢
徑須沽取對君酌

Này đây ngựa năm hoa một cổ,
Này nghìn vàng cả bộ áo lông.

五花馬
千金裘

呼兒將出換美酒
與爾同消萬古愁

TCHYA dịch

註：太白以飲酒放歌，勸岑參，元丹丘，得意時須盡歡，應如陳思王曹植宴友於平樂觀。其曠達襟懷，洒然脫俗。

Tchya. 卽“Tôi chẳng yêu ai”署名之縮寫，意謂“我不愛誰”原其名爲戴德俊，著有“神虎”等小說。

兵車行 杜甫

BINH - XA HÀNH

車轉轉，馬蕭蕭， Xe chạy rầm rầm, ngựa thét vang.
 行人弓箭各在腰； Người đi cung tên, lưng đeo mang；
 爺娘妻子走相送， Cha mẹ, vợ con chạy theo tiễn,
 塵埃不見咸陽橋， Bụi mù che khuất cầu Hàm - dương.
 牽衣頓足攔路哭， Kéo áo dậm chân chắn đường khóc,
 哭聲直上千雲霄！ Tiếng khóc ngang trời nghe rầm vang！
 道旁過者問行人， Bên đường khách gọi người đi hỏi,
 行人但云點行頻。 Người đi chỉ đáp phải đi vội.
 或從十五北防河， Khi mười lăm tuổi giữ sông bắc,
 便至四十西營田。 Bốn mươi, phía tây đi đồn-điền.
 去時里正與裏頭， Khi đi mạnh mẽ về lý - dịch,
 歸來頭白還戍邊。 Ngày về, tóc bạc lại đi liền.
 邊庭流血成海水。 Ngoài biên máu chảy gần như bể,
 武皇開邊意未已！ Lòng vua tranh chiếm vẫn chưa phải.
 君不聞漢家山東二百洲， Nay xem bát ngát đất Sơn-dông,
 千村萬落生荆杞， Nghìn làng muôn xóm giờ hoang-phế.
 縱有健婦把鋤犁， Giá có người khỏe chịu cày bừa,
 禾生隴畝無東西。 Ruộng nương lúa tốt trông không bờ.

況復秦兵耐苦戰， Lại gặp quân Tần đánh dữ dội,
 被驅不異犬與雞， Bị xua như gà cứ chạy bừa.
 長者雖有問， Gặp đây trưởng giả tuy muốn hỏi,
 役夫敢伸恨？ Dịch-phu tấm tức nào dám nói.
 且如今年冬， Kìa như năm nay về mùa đông,
 未休關西卒； Vẫn còn gọi lính coi bờ cõi.
 縣官急索租， Huyện quan, thuế má thúc liền liền,
 租稅從何出？ Thuế thì thuế má lo sao nổi！
 信知生男惡， Rõ！ sinh con trai thật là khổ,
 反是生女好； Thà sinh con gái còn gặp may.
 生女猶得嫁比鄰， Gái được gả chồng liền hàng xóm,
 生男埋沒隨百草！ Trai thì vùi dập cùng cỏ cây.
 君不見青海頭， Nay xem： Thanh-hải nơi bờ bể,
 古來白骨無人收？ Xưa nay ai nhặt xương chiến sĩ？
 新鬼煩冤舊鬼哭， Ma mới, ma cũ khóc oán hờn,
 天陰雨濕聲啾啾！ Trời sầm mưa thấm tiếng rền rĩ.

Tác giả： ĐỖ - PHỦ

Dịch giả： NGỌC - BÌNH

註：明皇用兵吐蕃，民苦行役，杜公為生民請命，沒為問答，以達苦衷。

春江花月夜

張若虛

春江潮水連海平
艷艷隨波千萬里
江流宛轉繞芳甸
空裏洗霜不覺飛
江天一色無纖塵
江畔何人初見月
人生代代無窮已
不知江月照何人
白雲一片去悠悠
誰家今夜扁舟子
可憐樓上月徘徊
玉戶簾中捲不去
此時相望不相聞
鴻雁長飛光不度
昨夜聞潭夢落花
江水流春去欲盡
斜月沈沈藏海霧
不知乘月幾人歸

海上明月共潮生
何處春江無月明
月照花林皆如畫
江上白沙看不見
皎皎空中孤月輪
江月何年初照人
江月年年望相似
但見長江照流水
青楓浦上不勝愁
何處相思明月樓
應照離人粧鏡台
搗衣砧上拂還來
願逐月華流照君
魚龍潛躍水成文
可憐春半不還家
江潭落月復西斜
碣石瀟湘無限路
落月搖情滿江樹

Xuân giang hoa nguyệt dạ

Sông xuân sáng, nước liền ngang bể,
Vùng trăng trong, mặt bể lên cao.
Ánh trăng theo sóng đẹp sao !
Sông xuân muôn dặm chỗ nào không trăng ?
Dòng sông chảy quanh rừng hoa ngát,
Trăng soi hoa như tản chấp - trùng.
Sương bay chẳng biết trong không,
Trên soi cát trắng nhìn không thấy gì.

Trời in nước một ly không bụi,
Mảnh trăng trong dòi dọi giữa trời.
Thấy trăng thoát mới là ai ?

Trăng sông thoát mới soi người năm nao ?

Người sinh mãi, kiếp nào cho hết,
Nhìn trăng sông năm hết không sai.

Trăng sông chẳng biết soi ai ;
Dưới trăng chỉ thấy sông dài nước trôi.

Đám mây trắng ngủi ngủi đi mãi,
Rặng phong xanh một dải sông sâu.

Đêm nay ai đó, ai đâu ?
Chiếc thuyền để nhớ trên lầu trăng soi.

Trăng thơ - thần nơi người xa ngóng,
Chốn dài - gương tựa bóng thương ai,

Trong rèm cuốn chẳng đi thôi ;
Trên bàn đập áo quét rồi lại ngay.

Cùng nghe ngóng lúc nay chẳng thấy,
Muốn theo trăng trôi chảy đến chàng.

Hồng bay, ánh sáng không màng,
Nước sâu cá quẫy chỉ càng vẩn tằm.

Đêm nọ giấc trong đầm hoa rữa,
Ai xa nhà xuân nửa còn chi !

Nước sông trôi mãi xuân đi ;
Trăng là lặn xuống bên kia canh đầm.

Vùng trăng lặn êm chìm khói bể,
Đường bao xa non kệ sông Tương,

Về trăng mấy kẻ thừa - lương,
Trăng chìm lay bóng đầy hàng cây sông.

Tác giả : **TRƯƠNG-NHỢC-HƯ**

Dịch giả : **TÂN - ĐÀ**
NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

長相思曲 梁意娘

TƯƠNG TƯ

花花葉葉落紛紛 終日思君不見君
魂欲銷兮腸欲斷 淚珠痕上更添痕

Hoa - hoa lá - lá rụng tơi - bời,
Lòng nhớ ai mà chẳng thấy ai;
Hồn sắp tiêu chừ thêm ruột đứt,
Châu rơi thành ngăn lại châu rơi.

我有一寸心 無由對君說
願風吹散雲 訴與天邊月

Ta có một tấc lòng,
Chẳng biết cùng ai nói,
Nhờ gió thổi tan mây,
Được với vầng trăng hỏi.

携琴上高樓 樓高月華滿
相思彈未終 淚滴冰弦斷

Ôm đàn lên lầu cao,
Lầu cao trăng sáng rồi.
Tương - tư khúc chưa thành,
Dây đứt châu khôn nối.

人道湘江深 未抵相思半
江深終有底 相思無邊岸

Người bảo sông Tương sâu,
Tương - tư sâu gấp bội;
Sông sâu còn có chừn,
Tương - tư không bờ - côi.

君在湘江頭
相思不相見

妾在湘江尾
共飲湘江水

Nhà chàng ở đầu sông,
Cuối sông nhà tiếp đẫy;
Nhớ nhau chẳng thấy nhau,
Cùng uống dòng sông ấy.

夢魂飛不到 所欠惟一死
入我相思門 知我相思苦

Hồn mộng bay khôn tìm,
Trừ chết mà thôi đó;
Có vào cửa tương - tư,
Mới biết tương - tư khổ.

長相思兮長相憶 苦相思兮無盡極
早知如此絆人心 悔不當初莫相識

Dài tương - tư chừ dài tương - tư,
Tương - tư mãi vậy tình khôn xiết!
Biết rằng đến nỗi bận lòng này,
Lúc trước thà rằng chẳng cùng biết.

Tác giả : LƯƠNG-Ý-NƯƠNG

Dịch giả : PHAN-MẠNH-DANH

注：梁意娘本五季後周瀟湘梁公女，與中表李生因中秋玩月而潛通，事覺，公下逐客令，女長思無既，作曲寄意。李得詩悲咽，託媒訴以原委，公乃妻以女焉。

節婦吟 張籍

君知妾有夫，
感君纏綿意，
妾家高樓連苑起
知君用心如日月
還君明珠雙淚垂

贈妾雙明珠，
繫在紅羅襦。
良人執戟明光裏，
事夫誓擬同生死，
恨不相逢未嫁時。

TIẾT PHỤ NGÂM

(Bài ngâm của nàng trinh-tiết)

Chàng hay em có chồng rồi,
Yêu em, chàng tặng một đôi ngọc lành.
Vấn-vương những cảm mỗi tình,
Em đeo trong áo lót mình màu sen.
Nhà em vườn ngự kê bên,
Chồng em cầm kích trong đền Minh-Quang.
Như gương vâng biết lòng chàng.
Thờ chồng quyết chẳng phụ-phàng thề xưa.
Trả ngọc chàng hạt lệ như mưa,
Giận không gặp-gỡ khi chưa có chồng.

Tác giả : TRƯƠNG-TỊCH

Dịch giả : NGÔ-TẤT-TỔ

註：張籍，和州烏江人，第進士，韓愈薦為國子博士。此為却李師古聘，記賦自況。

吳必素越北考古家，擅長漢文，任職河內遠東學院編譯多年。

憶陳玉蘭 阮華

(詞曲調寄菩薩蠻)

玉簫一曲無心度
誰知引入桃源路
邂逅曲欄邊
匆忙欲並肩
一時風雨急
忽分雙飛翼
回首洛川人
翻疑化作雲

Nhớ nàng Ngọc-Lan

(Theo điệu từ khúc Bồ-tát-man)

Ngọc tiêu một khúc vô tình thổi,
Nguồn đào ai biết nên thông lối.

Gặp gỡ trước lan-can,

Kề vai đã vội toan.

Một cơn mưa gió đập,

Thoát đã chia tay gấp.

Người ngọc biến như bay,

Tan đi dễ hóa mây.

Tác giả : NGUYỄN-HOÀ

Dịch giả : TRÚC-KHÊ

按：竹溪君名吳文豪，在三十年前蜚譽河內文壇。

長恨歌 白居易

Trường hận ca

漢皇重色思傾國
御宇多年求不得
楊家有女初長成
養在深閨人未識
天生麗質難自棄
一朝選在君皇側
回眸一笑百媚生
六宮粉黛無顏色
春寒賜浴華清池
溫泉水滑洗凝脂
侍兒扶起嬌無力
始是新承恩澤時
雲鬢花顏金步搖
笑臉春暈度春宵
春宵苦短日高起
從此君王不早朝
承歡侍宴無閒暇
春從春遊夜專夜
後宮佳麗三千人
三千寵愛在一身
金屋妝成嬌侍夜
玉樓宴罷醉和春
姊妹弟兄皆列土
可憐光彩生門戶
遂令天下父母心
不重生男重生女

Đức vua Hán mến người khuynh quốc,
Trải bao năm tìm chuốc công toi.
Nhà Dương có gái mới choai,
Buồng xuân hóa kín chưa ai biết cùng.
Lạ gì của tuyết đông ngọc đúc,
Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên,
Một cười trăm vẻ thiên - nhiên,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn - son.
Trời xuân lạnh suối tuôn mạch ấm,
Da mỡ đông kỳ tắm ao Hoa,
Vua yêu hận ấy mới là,
Con hầu nâng dậy coi đã một thay !
Vàng nhẹ bước lung - lay tóc mái,
Màn phủ - dung ân - ái đêm xuân,
Đêm xuân ngắn - ngủn có ngắn,
Ngai rồng từ đây chậm phần vua ra.
Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm,
Ba nghìn xinh đẹp chị em,
Ba nghìn yêu - quý chất nê một mình.
Nhà vàng đúc, đêm thanh ôm - ấp,
Lầu ngọc cao, say áp bầu xuân,
Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên - hạ có lần rẽ trai.

驪宮高處入青雲
仙樂風飄處處聞
緩歌謾舞凝絲竹
晝日君王看不足
漁陽鼙鼓動地來
驚破霓裳羽衣曲
九重城闕煙塵生
千乘萬騎西南行
翠華搖搖行復止
西出都門百餘里
六軍不發無奈何
宛轉蛾眉馬前死
花鈿委地無人收
翠輦金雀玉搔頭
君王掩面救不得
回看血淚相和流
黃埃散漫風蕭索
雲橫紫紆登劍閣
峨嵋山下少人行
旌旗無光日色薄
蜀江水碧蜀山青
聖主朝朝暮暮情
行宮見月傷心色
夜雨聞鈴腸斷聲
天旋地轉迴龍馭
到此躊躇不能去
馬嵬坡下泥土中
不見玉顏空死處

Văng tiên - nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tít Ly - cung ;
Suốt ngày múa hát thung - dung,
Tiếng tơ tiếng trúc say lòng quân - vương.
Ầm tiếng trống Ngư - dương kéo đến,
Khúc Nghê - thường tan biến như không,
Chín lần thành khuyết bụi tung,
Nghìn xe muôn ngựa chơi vùng tây - nam.
Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ thúy - hoa bông phất lung - lay,
Sáu quân rừng - rãng làm rầy,
Mây ngai trước ngựa lúc này thương ời !
Ai người nhật thoa rơi bỏ đất,
Ôi thúy - kiều ngọc nát vàng phai,
Quân - vương bưng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại ; máu trời lệ tràn.
Gió tung bụi mê - man tản - mác,
Đường thang mây Kiếm các lần đi,
Vắng tanh ! dưới núi Nga - my,
Mặt trời nhợt thêch, tinh kỳ buồn tênh.
Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai,
Thấy trăng luống đã đau người ;
Đêm mưa đứt ruột canh dài tiếng chuông !
Phúc trời đất quay cuồng vận - số,
Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa,
Đất bùn chỗ chết còn tro !
Thấy đâu mặt ngọc ? bây giờ Mã - ngôi.

君臣相顧盡霑衣
東望都門信馬歸
歸來池苑皆依舊
太液芙蓉未央柳
芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂

春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時
西宮南內多秋草
落葉滿階紅不掃
梨園子弟白髮新
椒房阿監青娥老

夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠

遲遲鐘鼓初長夜
耿耿星河欲曙天

鴛鴦瓦冷霜華重
翡翠衾寒誰與共
悠悠生死別經年
魂魄不曾來入夢

Đầm vật áo, vua, tôi giọt lệ,
Giống dây cương ngựa tể về đông,
Cảnh xưa dương - liễu phù - dung,
Vị - ương, Thái - dịch hồ cung vẹn mười.
Phù - dung đó, mặt ai đâu tá?
Mây liễu đâu? cho lá còn như?

Càng trông hoa, liễu năm xưa,
Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.

Xuân đào lý gió êm hoa nở,
Thu kia mưa rụng lá ngô - đồng,
Kìa Nam - uyển, nọ Tây - cung,
Đầy thêm ai quét lá hồng thu rơi.

Vườn lê cũ những ai con hát,
Mái tóc coi trắng phớt lạ - lung,
Những ai coi giữ tiêu - phòng,
Mây xanh thừa ấy nay cùng già nhăn.

Trước cung - điện nhìn sân đêm tối,
Đom - đóm bay, gọi mối u - sầu,
Ngọc đèn khêu đã cạn dầu,

Khó thay! giấc ngủ dễ hầu ngủ xong.
Tiếng canh tối từng từng điểm trống,
Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.

Sông Ngân lấp - lánh sao thừa,
Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
Trên mái ngói, sương rơi ướt lạnh,
Trong chăn nằm, bên cạnh nào ai?

Cách năm sống thác đôi nơi,
Thấy đâu hồn phách vãng lai giấc nồng?

臨邛道士鴻都客
能以精誠致魂魄
為感君王輾轉思
遂教方士殷勤覓
排空馭氣奔如電
升天入地求之徧
上窮碧落下黃泉
兩處茫茫皆不見
忽聞海上有仙山
山在虛無縹渺間
樓閣玲瓏五雲起

其中綽約多仙子
中有一人字太真
雪膚花貌參差是

金闕西廂叩玉扃
轉教小玉報雙成

聞道漢家天子使
九華帳裏夢魂驚
攬衣推枕起徘徊
珠箔銀屏迤邐開
雲鬢半偏新睡覺
花冠不整下堂來
風吹仙袂飄飄舉
猶似霓裳羽衣舞
玉容寂寞淚欄干
梨花一枝春帶雨
含情凝睇謝君王

一別音容兩渺茫

Khách đạo - sĩ Lâm - cùng có gã,
Chơi Hồng - đô phép hóa thần - thông,
Xót vì vua chúa nhớ - nhưng
Mới sai phương - sĩ hết lòng ra tay.
Cưỡi luồng gió như bay như biển,
Trên trời xanh, dưới đến đất đen.
Hai nơi bích - lạc, hoàng tuyền,
Dưới trên tìm khắp, mơ huyền thấy chi!
Sực nghe nói, tìm đi mé bể,
Có nơi tiên ngoài phía hư - không.
Rõ - ràng cung - điện linh - lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao!
Trong tha - thướt biết bao tiên - tử,
Một nàng tiên tên chữ Thái - chân,
Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dễ như người ấy, có phần phải chăng?
Mái tây gõ cửa vàng khóa ngọc,
Cậy đưa tin Tiểu - ngọc, Song thành,
Nghe tin sứ - giả Hán - đình,
Cửu - hoa trong trướng giật mình giấc mơ.
Cầm áo dậy, thần - thơ buồn - bực,
Mở rèm châu bình bạc lần ra,
Bâng - khuâng nửa mái mây tà,
Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.
Phối tay áo bay màu trước gió,
Giống Nghê - thường khúc múa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa - thừa,
Cảnh lê hoa triu hạt mưa xuân đầm.
Ngưng nước mắt âm - thầm buồn - bã,
Đội ơn lòng, xin tạ quân - vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh tăm - tiếng, mơ - màng hình - dong.

昭陽殿裡恩愛絕
蓬萊宮中日月長
回頭下望塵寰處
不見長安見塵霧
惟將舊物表深情
鈿合金釵寄將去
釵留一股合一扇
釵擘黃金合分鈿
但教心似金鈿堅

天上人間會相見

臨別殷勤重寄詞
詞中有誓兩心知
七月七日長生殿
夜半無人私語時
在天願作比翼鳥
在地願為連理枝
天長地久有時盡
此恨綿綿無絕期

Nơi dễ - điện dứt vòng ân - ái,
Chốn tiên - cung thư - thái thái ngày,
Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Trường - an chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ !
Lấy chi tỏ tình xưa thâm - thú ?
Gửi cành thoa - vật cũ đem xuôi.
Thoa vàng hộp khảm phân đôi,
Nửa xin để lại, nửa thời đem đi.
Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
Tựa thoa vàng bền chặt không phai.
Thời cho cách trở đôi nơi,
Nhân - gian rồi với trên trời gặp nhau.
Ân - cần dặn mấy câu lâm - biệt :
Lời thề xưa lòng biết với lòng,
Nửa đem trung - thất trắng trong.
Trường - sinh sân điện vắng không có người.
Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
Xin làm cây cành chánh liền nhau,
Thắm chi trời đất dài lâu,
Hòn đầu dằng dặc dễ hầu có người.

Tác giả : BẠCH-CƯ-DỊ

Dịch giả : TẢN - ĐÀ

註：長恨歌述唐明皇寵幸楊貴妃之故事。天寶末，安祿山引兵向關，帝南幸華陽道，途次馬嵬坡兵變，楊妃被縊死。既而肅宗受禪於靈武，明平迎帝歸長安，尊為太上皇，就養南宮，然念貴妃不已。時有道士自蜀來，願出沒天地求之。東極大海，得訊而回。帝震悼不已，旋亦晏駕。
白居易，元和中詩人，作品豐富，寄意高超，與元稹齊名。

琵琶行 白居易

TỠ - BÀ HÀNH

潯陽江頭夜送客
楓葉荻花秋瑟瑟
主人下馬客在船
舉酒欲飲無管絃
醉不成歡慘將別
別時茫茫江浸月
忽聞水上琵琶聲
主人忘歸客不發
尋聲暗問彈者誰
琵琶聲停欲語遲
移船相近邀相見
添酒回燈重開宴
千呼萬喚始出來
猶抱琵琶半遮面
轉軸撥絃三兩聲
未成曲調先有情
絃絃掩抑聲聲思
似訴生平不得志
低眉信手續續彈
說盡心中無限事
輕攏慢撚抹復挑
初為霓裳後六么
大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語

Bến Tầm - dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu lau lách đù - hiu,
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc - ti.
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh - mông đượm vẻ gương trong,
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuây - khỏa lại, khách dùng - dằng xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá ?
Dừng đây to nấn - nà làm thỉnh.
Dời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn thêm rượu còn dành tiệc vui.
Mời - mọc mãi thấy người bờ - ngõ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vận đàn mấy tiếng dạo qua,
Dấu chưa nên khúc tình đà thoảng hay.
Nghe nào - nuốt mấy dây buồn - bức,
Dường than - niềm tằm - tức bấy lâu.
Mây chau tay gảy khúc sầu,
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vắn.
Ngón buông bắt khoan khoan dừ - dặt,
Trước nghe - thường sau thoát lục - yêu,
Dây to dường đổ mưa rào,
Nỉ - non dây nhỏ khác nào truyện riêng.

嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤
間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘
水泉冷澀絃凝絕
凝絕不通聲暫歇
別有憂愁暗恨生
此時無聲勝有聲
銀瓶乍破水漿迸
鐵騎突出刀鎗鳴
曲終抽撥當心畫
四絃一聲如裂帛
東船西舫悄無言
惟見江心秋月白
沈吟放撥插絃中
整頓衣裳起欲容
自言本是京城女
家在蝦蟆陵下住
十三學得琵琶成
名屬教坊第一部
曲罷常教善才服
粧成每被秋娘妬
五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數
鈿頭銀篦擊節碎
血色羅裙翻酒污
今年歡笑復明年
秋月春花等閒度

Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy,
Mâm ngọc châu bỗng nảy hạt châu.
Trong hoa oanh ríu - rít nhau,
Nước tuôn róc - rách chảy mau xuống ghềnh.
Nước suối lạnh dây mảnh ngừng dứt,
Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ,
Ôm sầu mang giận ngẩn - ngơ,
Tiếng tơ lặng ngắt, bấy giờ càng hay.
Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,
Ngựa sắt giông xô - xát tiếng đao,
Cung đàn trợn khúc thanh tao,
Tiếng buông xé lựa vào bốn dây.
Thuyền mảy lá đông tây lặng ngắt,
Một vầng trăng trong vắt lòng sông,
Ngâm - ngủi đàn bát xếp xong,
Áo xiêm khép - nép hầu mong dải lời.
Rằng "Xưa vốn là người kẻ chợ,
Còn à - mô trú ở lân - la,
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất chỉ đã chép tên.
Gã thiện - tài sợ phen dựng khúc,
Ả thu nương ghen lúc điểm - tô,
Ngủ - lãng, chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gãy tan dịp gõ,
Bức quần - hồng hoen ở rượu rơi.
Năm năm lần lựa vui cười,
Mãi trắng hoa chẳng đoái - hoài xuân thu.

弟走從軍阿姨死
暮去朝來顏色故
門前冷落車馬稀
老大嫁作商人婦
商人重利輕別離
前月浮梁買茶去
去來江口守空船
繞船明月江水寒
夜深忽夢少年事
夢啼妝淚紅欄干
我聞琵琶已歎息
又聞此語重唧唧
同是天涯淪落人
相逢何必曾相識
我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城
潯陽地僻無音樂
終歲不聞絲竹聲
住近湓江地低濕
黃蘆苦竹繞宅生
其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴
春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾
豈無山歌與村笛
嘔啞嘲謔難爲聽
今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明

Buồn em chảy lại lo di thác,
Sầu hôm mai đổi khác hình - dung,
Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
Khách trọng lợi khinh đường ly cách,
Mãi buôn chè sớm tẻch nguồn khơi,
Thuyền không đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dải, nước trôi lạnh - lùng.
Đêm khuya sức nhớ vòng tuổi trẻ,
Chợt mơ - màng dòng lệ đỏ hoen.
Nghe đàn ta đã trạnh buồn,
Lại rầu nghe nổi nỉ - non mấy nhời.
"Cùng một lựa chân trời lận - đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau,
Từ xa Kinh - nguyệt bấy lâu,
Tầm - dương đất trịch gối sầu hôm mai.
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn - địch cả năm.
Sông Bồn gần chốn cát lăm,
Lau vàng trúc vô âm thầm quanh hiên.
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Cuộc kêu sầu, vượn hót véo - von.
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.
Há chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng líu - lo buồn nổi khó nghe,
Tỳ - bà nghe dạo canh khuya.
Dường như tiên - nhạc gần kề bên tai.

莫辭更坐彈一曲
為君翻作琵琶行
感我此言良久立
却坐促絃絃轉急
淒淒不似向前聲
滿座重聞皆掩泣
座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn-sửa bài ca;
Đừng lâu đường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phẩm đàn đã kíp dây.
Nghe nào nuốt khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi;
Lệ ai chan - chứa hơn người?
Giang - châu Tư - mã đượm mùi áo xanh.

Tác giả : BẠCH-CỬ-DỊ

Dịch giả : PHAN-HUY-VỊNH

原序：元和十年，余左遷九江郡司馬。明年秋，送客盆江浦口。聞舟中夜彈琵琶者，聽其音絳絳然有京都聲。問其人本長安娼女，嘗學琵琶於穆曹二善才。年長色衰，委身為賈人婦。遂命酒使快彈數曲。曲罷憫然，自叙少小時歡樂事。今漂淪憔悴，轉徙於江湖間。余出官二年，恬然自安，感斯人言，是夕覺有遷謫意。因為長歌以贈之，凡六百一十六言，命曰琵琶行。

註：潘輝泳(1799-1870)字涵甫，山西省安山縣瑞溪鄉人。明命九年舉進士，以繙譯琵琶行名世。此曲演唱時，借杜甫秋興詩為歌引。

從駕還京 陳光啟

李樂章陽渡
太平宜努力

擒胡威子關
萬古此江山

PHÒ GIÁ VỀ KINH

Chương - dương cướp giáo giặc,
Hàm - tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu.

Tác giả : TRẦN-QUANG-KHẢI

Dịch giả : TRẦN-TRỌNG-KIM

按：一二八五年乙酉陳元之戰，宋將趙忠助越，協同陳日燭，陳國鑽，阮蘭諸將，破唆都於威子關（興安省東安縣）陳光啟自清化北上呼應，與范五老夫破脫驪之舟師于章陽渡（在上福縣境）光復昇龍，陳入城犒軍，即席賦詩誌慶。

述懷 范五老

橫槊江山恰幾秋
男兒未了功名債

三軍貔虎氣吞牛
羞聽人間說武侯

THUẬT HOÀI

Vác giáo non sông đã mấy thu,
Ba quân hùng dũng nuốt sao Ngâu,
Công danh nam tử còn vương nợ,
Phải thẹn tai nghe chuyện Vũ - hầu.

Tác giả : PHẠM-NGŨ-LÃO

Dịch giả : NGUYỄN - LÂN

註：范五老才兼文武 為陳朝名將。

感懷 鄧容

世事悠悠奈老何
時來屠釣成功易
致主有懷扶地軸
國讎未復頭先白

無窮天地入酣歌
運去英雄飲恨多
洗兵無路挽天河
幾度龍泉帶月磨

CẢM HOÀI

Việc đời thăm - thăm, tuổi già vay !
Trời đất mênh - mông cuộc hát say !
Lỡ vận anh hùng nhiều nuốt hận,
Gặp thời hèn mọn dễ ra tay.
Sông ngân, gột giáp, khôn tìm lối,
Trục đất, phò vua, muốn chuyển xoay.
Thù nước chưa xong, đầu đã bạc,
Gươm mài vàng nguyệt biết bao ngày !

Tác giả : ĐẶNG - DUNG

Dịch giả : NGUYỄN - LÂN

註：杜甫詩：安教壯士挽天河，淨洗甲兵長不用。

鄧容于1413年間，起兵抗明與張輔戰，不幸被囚，解往燕京，中途殉節。

過白藤江口 阮鴈

朔風吹海氣凌凌
鱷斷鯨剝山曲曲
閩河百二由天設
往事回頭嗟已矣

輕起吟帆過白藤
戈沉戟折岸層層
豪傑功名此地曾
臨流撫景意難勝

Qua cửa sông Bạch - Đằng

Gió heo hơi bể mịt - mùng,
Buồm thoi phôi - phôi qua sông Bạch-Đằng.
Núi như đầu ngạc chém quăng,
Bờ sông đứt gãy như từng đoạn gươm.
Non sông hiểm trở lạ đường,
Anh-hùng còn dấu chiến - trường xong - pha.
Việc xưa thôi đã thôi mà,
Bên dòng viếng cảnh lòng ta bồi - hồi.

Tác giả : NGUYỄN - TRÃI

Dịch giả : TRÚC - KHÊ

阮鴈先生字抑齋，工於文學，佐黎太祖成帝業，作平吳大誥，為越南珍貴之文獻。

白藤江古屬建安省水棠縣，即今廣安省境，出海處為海龍灣，華人稱篋子籠。峰巒重疊，夙稱要塞。昔吳王權破南漢，黎桓王破宋，陳興道王破元，俱在於此。

題壺公洞 黎聖宗

神錐鬼鑿萬重山
世上功名都是夢
華陽龍化玄珠墜
我欲乘風凌絕巔

虛室高窗宇宙寬
壺中日月不勝閒
碧落泉流白玉寒
望窮雲海有無間

ĐỀ ĐỘNG HỒ-CÔNG

Khuôn thiêng khéo tạc núi muôn - trùng,
Cửa động thênh - thênh gió dễ thông.
Cuộc thế công - danh mờ tưởng hão ;
Bầu tiên phong nguyệt thú vui cùng.
Hạt châu rơi đất ghi rỗng hóa ;
Giọt ngọc tuôn trời rõ suối trong.
Muốn cưỡi gió lên chơi đỉnh núi,
Trông mây trông nước títtừng không.

Tác giả : LÊ-THÁNH-TÔN

Dịch giả : THIÊN - ĐÌNH

註：黎聖宗黎朝第四主，自號騷壇元師，與二十八宿時相唱和。
壺公洞在清化省永祿縣，傳有費長房古蹟，名勝列居天南三十六洞天之首。

求·賢·詩 阮文銓

聞道愛州多俊傑
無心久保荆山璞
幽谷有香千里遠
此回若得山中宰

虛懷側席欲求司
善相方知冀北驂
高崗鳴鳳九天知
佐我經綸轉化機

THƠ CẦU HIỀN

Ái - châu nghe nói lắm người hay,
Ao - ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phách Kinh - sơn tài sản đó,
Ngựa kỳ Kỳ - bắc biết lâu thay ;
Mùi hương hang tối xa ngàn dặm,
Tiếng phụng gò cao suốt chín mây.
Sơn tể phen này dù gặp - gỡ ?
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

Tác giả : NGUYỄN-VĂN-THUYỀN

Dịch giả : TRẦN-TRỌNG-KIM

按：阮文銓乃嘉隆朝代北城總鎮阮文誠之子，慕清化文士阮文奎，阮德潤之才，因致詩求結交。詎因此竟招讒謗，文學興獄，古今同慨！

頭屯海口即景 阮長祚

人家牢落雜西塵 一望平林鎮曉煙
山起三峯迴海岸 燈高一柱引洋船
閩河莫定仍依舊 景色蒼茫已不前
如此江山誰作主 要將情事問之天

VỊNH CẢNH CẦN - GIỜ

Nhà người lác - đác lẫn hàng tây,
Rừng phẳng trông xa khói tỏa đầy.
Bờ bể nổi lên ba chớp núi,
Thuyền ai nhăm thẳng một đèn cây,
Quan hà dù vẫn còn nguyên vẹn,
Cảnh sắc xem ra đã đổi thay.
Non nước chủ trương ai đó nhỉ?
Muốn đem tâm sự hỏi trời ngay!

Tác giả : NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

Dịch giả : DOÃN-KẾ-THIỆN

註：阮長祚(1827—1871)裴洲人，精通西學，熱心愛國。嗣德間，獻救國條陳，惜未見用，憂憤而死。此詩乃先生入頭屯海口，見法人植燈塔，建軍營，有感而作。

首科阮有勳絕命詩

汗馬艱關為國仇 只因兵罷致身休
英雄莫把贏輸論 宇宙長看節義留
敢死已驚胡虜魄 不降甘斷將軍頭
當今湫水波流血 龍島秋風起暮愁

Bài thơ tuyệt mạng của Thủ - Khoa - Huân

Mồ hôi ngựa, nước thù khôn nổi!
Nhơn thôi binh, đến nỗi mình không!
Hơn thua chớ luận anh hùng;
Dài xem khí - tiết lưu trong cõi bờ,
Lòng chẳng sợ, hải - hồ phách giắc,
Đầu tướng - quân đành chặt chẳng lành!
Sông Tho nay giọt máu tràn,
Gió thu chiều thổi sầu tan còn Rừng.

Tác giả : NGUYỄN-HỮU-HUÂN

Dịch giả : DẬT - DANH

註：阮有勳，南圻解元。嗣德間，南圻失守，公奮起義兵抗戰，奈朝議罷兵，不予支援，1868年失敗，就義於美湫。梁啟超飲冰室集畧紀其事。

去 國 阮尚賢

病骨逢秋強自撐
一身於世兼榮辱
夜月鵲聲心易碎
征袍濕盡孤臣淚

東南連歲獨長征
萬里何人寄死生
曉霜驢背夢頻驚
猶向南天認玉京

XA NƯỚC

Đặt khách trời thu đau cũng gượng,
Đông nam dong ruổi mấy năm linh!
Một mình với nước chia vinh nhục,
Muôn dặm cùng ai gởi tử sinh?
Sầu vương tiếng quỳên khi gọi nguyệt,
Mông rồi yên ngựa lúc tan canh!
Cô thần giọt lụy tràn thân áo,
Vân ngóng về Nam nhớ Đẻ - kinh!

Tác giả : NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN

Dịch giả : THỨC - NHƯ

註：阮尚賢(1867年生)號梅山，河東省山明縣蓬拔鄉人，成泰四年(1892)舉黃甲，任國史館編修。一九〇四年流亡中國，謁李鴻章欲圖大舉，奈不獲援助，隱於杭州西湖，抑鬱以終。詩為過廣州市時作。

別 友 潘佩珠

生為男子要希奇
於百年中須有我
江山死矣生徒贅
願逐長風東海去

肯許乾坤自轉移
豈千載下竟無誰
賢聖寥然頌亦痴
千重白浪一齊飛

BIỆT HỮU

Khác thường bay nhảy mới là trai,
Chẳng chịu vùn xoay mặc ý trời!
Trong cuộc trăm năm đành có tớ,
Rồi sau muôn thuở há không ai?
Non sông đã mất, mình khôn sống,
Hiền thánh đâu còn, học cũng hoài.
Đông - hải xông - pha nường cánh gió.
Nghìn làn sóng bạc múa ngoài khơi.

述 懷 潘佩珠

誤落紅塵也幾回
好龍未必真非假
祇好春裝今古墨
死生得失都閒事

眼前歷劫似餘灰
失馬安知福與災
不教愁入聖賢杯
流水行雲任去來

THUẬT HOÀI

Sa lưới hồng trần từ thuở nọ,
Bể dâu trông thấy đã dày dầy!
Ham rồng đó, chắc chỉ hư thiết,
Mất ngựa rồi, ai biết rủi may!
Thà mượn bút thần gây thú lạ,
Hơn cho rượu thánh bị sàu lây!
Được thua, sống chết, như không cả,
Xuống biển, lên ngàn, mặc nước mây!

Tác giả : PHAN-BỘI-CHÂU

Dịch giả : THỨC - NHƯ

註：潘先生字巢南，(1867—1940)，一生盡瘁國事，足跡遍亞歐，致力奔波，結果以牢獄輟禁終其生。此詩乃年老絕筆，作於順化御水舟上。

志成通聖 潘周禎

世局回頭已一空
萬民奴隸強權下
長此百年甘唾罵
諸君未必無心血

江山無淚泣英雄
八股文章醒夢中
不知何日出牢籠
憑向斯文看一通

CHÍ THÀNH THÔNG THÁNH

Cuộc thế xem chừng đã rộng không,
Giang san đâu có khóc anh hùng!
Cường quyền đè nén dân nô lệ,
Văn nghệ say mê lối viễn vông!
Rồi sẽ dài ngày nghe mắng nhiếc,
Chắc chỉ một lúc thoát gông cùm!
Các người há dễ không tâm huyết,
Hãy giở thơ này đọc một vòng.

Tác giả : PHAN-CHU-TRINH

Dịch giả : THỨC - NHƯ

註：一九〇四年潘先生棄官與黃叔抗陳貴洽南下西貢，尋潘佩珠共商大計，過平定省，睹各士子尚埋頭於八股文章，爭取功名，因作詩以諷。

一九二五年先生遇害，西貢人士特在德河市建西湖紀念祠。

荆軻入秦 黃叔抗

馬角當年恨未平
俠腸貫日虹無色
拓落孤懷歌泣外
可憐六國多才俊

蕭蕭易水作悲鳴
浩氣橫秋劍有聲
尋常一諾死生輕
不及屠沽出薊城

KINH - KHA NHẬP TÂN

Nỗi oan sừng ngựa giận đương theo,
Sông Dịch đưa người ngọn sóng trôi,
Khí hiệp, suốt trời vàng mỏng lọt,
Hơi thu, dăng dặt tiếng gươm reo.
Chí côi hãn để vui buồn ngoài,
Lời hứa đành mang sống chết theo.
Sáu nước nhân tài đâu vắng ngắt?
Khép nhưng phường thịt tẩm gươm treo.

Tác giả và dịch giả : HUỖNH-THỨC-KHÁNG

註：越南志士黃叔抗廣南省人，於1908與吳德繼，潘周禎，潘佩珠等同被押囚，流配崑崙島，獄中公有上述遺懷之作。

TRÊU Ỏ BÁN CHIẾU GON

Ỏ ở đâu mà bán chiếu gon ?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn.
Xuân thu nay được bao nhiêu tuổi ?
Đã có chồng chưa, được mấy con ?

NGUYỄN - TRÃI

ĐÁP

Thiếp ở Tây - hồ bán chiếu gon,
Can chi ông hỏi hết hay còn ?
Xuân thu nay được trăng tròn lẽ,
Chồng còn chưa có, hỏi chi . . . con ?

NGUYỄN - THỊ - LỘ

戲賣席女郎 阮鴈

姁在那兒賣席篁？ 未知底細欲商量？
度過春秋今幾許？ 已曾嫁否有何郎？

答

阮氏路

我在西湖賣席篁， 千卿底事欲商量？
月滿春秋方漸缺， 夫還未嫁問奚郎？

註：阮鴈(1380—1442)號仰齋，阮飛卿之子，河東省常信府上福縣人，佐黎太祖成帝業。晚年隱居海陽省至靈縣崑山，終以愛妾阮氏路在北寧省荔枝園弑帝(黎太宗)論族誅。

QUA ĐÈO - NGANG

Qua đỉnh Đèo - Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá lá chen hoa.
Lom - khom dưới núi tiều vài chú,
Lác - đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc - quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia - gia.
Dừng chân ngoảnh lại trời, non, nước.
Một mảnh tình riêng ta với ta !

Bà huyện THANH-QUAN

過橫山 清關縣太

過橫山頂夕陽斜	草木擠巖葉趁花
崎嶇麓際樵踪杳	錯落江邊店影賒
憂國傷懷呼國國	愛家倦口叫家家
小停迴望天山水	一片離情分外加

註：清關縣太，楊姓，嫁夫劉儀任職清關縣尹。氏以才名籍甚，被召入宮，充職教習，過橫山時，有感而作。

橫山在北緯十八度東海涯，河靜廣平兩省交界處。

黎末(1789)昭統帝流亡入中國，孤臣陳名安聞杜鵑聲，感而作詩云：鷓鴣鳴家家，杜鵑啼國國；微禽尚有國家聲，孤臣對此情何極！

ĐÁNH ĐU

Tám cột khen ai khéo-khéo trồng !
 Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông :
 Trai du gỏi hạc khom-khom cật,
 Gái uốn lưng ong ngửa-ngửa lòng,
 Bốn mảnh quần hồng bay phới phới,
 Hai hàng chân ngọc duỗi song-song.
 Chơi xuân đã biết xuân chẳng tá ?
 Cột nhỏ đi rồi lỗ bỏ không ...

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

打鞦韆 胡春香

八柱情誰妙妙陳？ 一雙作戲羨旁人。
 男搖鶴膝頻頻叩， 女挺蜂腰款款親；
 四幅紅裳飄忽展， 兩行玉腿震顫伸；
 遊春當惜春不再， 拚拔空時化沒痕。

註：胡春香，十八世紀詩人，胡拔演之女，義安省瓊留縣人，勝於海陽省鄉民，再醮永祥(永安省)府尹，尹歿，婚締號蝦蟆之某該總以守寡終其身，因生平不得志故詩意浪漫，以發洩牢騷，終生潦倒，嗟可慨矣。

越北於春節，恆植八柱作鞦韆，男女御紅羅裳，共上表演，別饒風韻，迨春節過，則拔起柱根。

VINH CÁI QUẠT

Một lỗ sâu, sâu mấy cũng vừa,
 Duyên em dính - dăng tự ngày xưa,
 Vành ra ba góc da còn thiếu,
 Khép lại đôi bên, thịt vẫn thừa.
 Mát mặt anh - hùng khi tắt gió.
 Che đầu quân - tử lúc sa mưa.
 Nâng - niu ước hỡi người trong trướng,
 Phì - phạch, trong lòng đã chán chưa ?

Tác giả : HỒ-XUÂN-HƯƠNG

詠扇 胡春香

一孔深深幾亦舒 情緣繾綣自當初
 扯開三角皮嫌少 靠攏雙邊肉仍餘
 君子蓋頭因雨點 英雄拂面正風徐
 飄飄細問帳中客 爽暢心懷意曷如

KHÓC ÔNG PHỦ VĨNH-TƯỜNG

Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ơi !
 Cái nợ ba - sinh đã trả rồi.
 Chôn chặt vãn - chương ba thước đất,
 Tung - hé hồ thỉ bốn phương trời.
 Cán cân tạo - hóa rơi đầu mắt,
 Miệng túi càn - khôn thất lại thối.
 Hăm - bảy tháng trời là mấy chốc,
 Trăm năm ông phủ Vĩnh-tường ơi !

Tác giả : HỒ-XUÂN-HƯƠNG

哭永祥府尹 胡春香

永祥府尹百年捐 債結三生已了緣
 潛蘊文章三尺地 縱橫孤矢四方天
 權衡造化悲零落 捫闔乾坤慘引牽
 念七月華成一瞬 永祥府尹百年捐

NGƯỜI SỢ HAI VỢ

Đằng - quốc xưa nay vốn nhỏ nhen,
Lại thêm Tề, Sở, ép hai bên.
Quay đầu về Sở e Tề giận,
Ngánh mặt sang Tề sợ Sở ghen,

嘲 齊 人 胡春香

滕君褊小態堪憐
逢迎楚子驚齊恨

齊楚介乎壓兩邊
顧盼齊姜畏楚嗔

THƠ GIÃ BÀ VỢ

Từ thuở vương xe mỗi chỉ hồng,
Lòng này ghi tạc có non sông;
Đường mây cười tở ham dong ruổi,
Trương liều thương ái chịu lạnh lùng.
Ơn nước nợ trai, đành nỗi phận,
Cha già, nhà khó, cậy nhau cùng.
Mấy lời nhắn nhủ khi lâm biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng?

Tác giả : PHAN-THANH-GIẢN

別 內 詩 潘清簡

一自情牽彩線紅
哭我雲程徒追逐
國恩身債當圖報
叮嚀數語臨岐別

此心牢記有蒼穹
憐卿柳帳忍虛空
父老家貧欲仗同
豈敢云忘銘五中

註：潘清簡(1796-1867)字靖伯，又字淡如，號梁谿，別號梅川，樞知省巴潯郡人。一八二六年舉進士，一八六三年使法，回越後充職南圻經畧使，一八六七年南圻失守，公絕食服毒殉國。此詩為潘公於明命六年(1825)第嘉定城舉人，其明年在順化舉進士，當赴試時，夫人黎氏依戀不勝，公途中以詩慰之。

Thi điệu khóc Phan-công Thanh-Giản

Non nước tan tành hệ bởi đâu?
Dầu dầu mây trắng cõi Ngao - châu,
Ba triều công cán vài hàng số,
Sáu tỉnh cang thường một gánh trâu.
Trạm Bắc, ngày chiều, tin điệp vắng,
Thành Nam, đêm quạnh, tiếng quỳên sầu.
Minh sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu!

Tác giả : NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU

哭弔潘公清簡詩 阮庭炤

(意譯)

世道如斯苦問由
安危六省一身責
蝶夢未迴悲北驛
成仁取義書生志

風雲慘澹遍鰲州
事業三朝數行留
鵲聲忙聽泣南樓
極目蒼茫不盡秋

(直譯)

家國支離怎問由
三朝公幹幾行疏
北站黃昏蝶訊寂
明旌九字丹心誌

白雲黯淡遍鰲州
六省網常一担收
南城夜永鵲聲愁
天地於今風雨秋

註：阮庭炤先生，巴潯郡安平東鄉人，舉秀才，隱居設帳授徒，著蓂雲仙詩集，勸人忠孝，享譽甚隆。此弔潘公詩作於丁卯年七月初五日子時。(4-8-1867)潘公殉國之後。越南忠烈名臣潘公，臨服毒時，諭子孫對於明旌(旄)祇可寫「大南海涯老書生姓潘」之柩。按：此詩也有人云是潘公自悼，姑並紀之。

TÔN-PHU-NHÂN QUI THỰC

Cài trâm sửa áo vện câu tòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cỏi Đông.
Ngút tảo đòi Ngô un sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất;
Một gánh cang thường nặng núi sông.
Anh hỡi ! Tôn-Quyền ! anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.

Tác giả : PHAN-VĂN-TRÍ

孫夫人歸蜀 潘文值

釵荆裙布爲三從	遙向斜陽別遠東
吳嶺雲迷縈霧白	蜀江緣結落啼紅
秉肩天地扶倫理	矢志綱常繫始終
寄語孫權兄可悉	女兒完節男完忠

註：潘文值先生，嗣德年間人，南圻淪亡後矢志不仕，與孫壽祥對立，常和詩諷刺 孫夫人歸蜀之作，蓋自明心跡也。

GỎI BẠN TRI TÂM

Trăm năm buồn lắm cỏi thuyền ta,
Tài mệnh ghen nhau đến thế a ?
Phẩm cách đã nên trong trắng ngọc,
Phong trần nỡ để tả tơi hoa !
Tầng sâu chắt ví mây Tam - đảo,
Mạch hận tuôn theo nước Nhị - hà.
Thao thức đêm qua người chẳng ngủ,
Xem thư lệ ứa suốt canh tà.

Tác giả : VIÊN - VIÊN

寄知心人 河城女子園 圖

述遭俗世苦堪嗟	才命相妨歲月賒
却憐品質喻纖柳	漫怨風塵忍落花
鳴咽珥河流曲水	淒迷三島疊殘霞
粧台寂靜春尤永	淚眼聊看月影斜

評：如此才華，淪落風塵，紅顏薄命 千古同慨。

QUI TIÊU

Rừng lau gió xao - xác,
Chim hôm bay lác - đác.
Gánh củi lững - thưng về,
Đường quen không sợ lạc.

Tác giả : BÙI-ƯU-TIÊN

歸

蘆叢風蕭瑟
荷新偃僂歸

樵 (五言古詩) 裴憂天

歸鳥飛撲輓
古徑長相逐

THU KHUÊ OÁN

Gió thu lạnh-lẽo, mây trời quang,
 Sân thu, đêm khuya rơi lá vàng.
 Trăng tà chim lặng, nhận kêu sương,
 Gối chiếc, chăn đơn thiếp nhớ chàng.
 Chàng đi xa-cách, nhớ quê-hương;
 Quê-hương đất khách, người một phương.
 Mong chàng chẳng thấy, lòng ngùi thương!
 Buồn không, cảnh vắng, bóng in tường.
 Chỉ chỉ, tơ tơ rối vẩn-vương,
 Nước mắt đậm-địa trôi quanh giường.
 Tháng cũ đã qua, tháng mới sang,
 Tháng sau tuần nữa, những tư-lường;
 Ngày tháng đi chóng năm canh trường!
 Lác-đắc sao tàn lấp-lánh gương.
 Trên trời, Chức-Nữ cùng Ngưu-Lang,
 Một dải sông Ngân, lệ mấy hàng!

Tác giả: TÀN - ĐÀ

秋 閨 怨 拿 沱

(仿魏文帝燕歌行)

秋風蕭瑟天氣涼	草木搖落露為霜
羣燕辭歸雁南翔	念君客遊思斷腸
慊慊思歸戀故鄉	君何淹留寄他方
賤妾堯堯守空房	憂來思君不敢忘
不覺淚下沾衣裳	援琴鳴絃發清商
短歌微吟不能長	月明皎皎照我床
星漢西流夜未央	牽牛織女遙相望
爾獨何辜恨河梁	

TỔNG BIỆT

Lá đào rơi-rác cõi Thiên-thai,
 Nhớ cảnh năm xưa những ngậm-ngùi.
 Nửa năm tiên cảnh, một bước trần ai,
 Ước cũ duyên thời có thể thôi!
 Đá mòn rêu nhạt, nước chảy hoa trôi.
 Cái hạt bay đi vút tận trời;
 Trời đất từ đây xa cách mãi,
 Cửa động dầu non đường lối cũ,
 Nghìn năm thơ-thẩn bóng trăng soi!

Tác giả: TÀN - ĐÀ

送 別 拿 沱

桃葉繽紛遍天台	泉漱鶯喧怎徘徊
半年仙境一步塵埃	約前緣無限低徊
石爛苔淡水流花飄	鶴兒飛翔上九霄
天地如今永隔開	洞門山頭古徑寂
千年彷彿月影迴	

註：天台山送別，乃敘述劉晨阮肇會仙女之故事。拿沱以一詠而成名，神眼載碩君嘗細刻諸米粒象牙作品裏，蜚聲國際，誠奇蹟也。

THỀ NON NƯỚC

河山盟 拿沱阮克孝

一言盟誓重河山 Nước non nặng một lời thề,
 江水奈何去不還 Nước đi đi mãi? không về cùng non.
 曾憶山盟海誓語 Nhớ lời «nguyện nước thề non»,
 凝眸佇立轉愁顏 Nước đi chưa lại, non còn đứng không.
 聳岷茫茫顧大荒 Non xanh ngời đứng bên sông,
 蹉跎歲月渾難忘 Suối tuôn giòng lệ, chờ mong tháng ngày.
 梅枝一握添消瘦 Xương mai một nắm hao gầy,
 潘鬢廝磨半雪霜 Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
 韶光冉冉復斜陽 Trời tây ngả bóng tà-dương
 玉貌金安黯淡蒼 Càng phai vẻ ngọc nét vàng phai-pha.
 水遠山高情未老 Non cao tuổi vẫn chưa già,
 妾情如水縈愁腸 Non sao nhớ nước, nước mà quên non!
 海枯石爛無渝志 Dầu rằng sông cạn đá mòn,
 剩水殘山記此詞 Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
 雲雨還原去復返 Non xanh đã biết hay chưa?
 詞中有誓兩心知 Nước đi ra bể, lại mưa về nguồn.
 山水相逢終有日 Nước non hội-ngộ còn luôn,
 何須耿耿兩淒其 Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
 一江春水任奔放 Nước kia dù hãy còn đi.
 草秀花鮮意自怡 Hoa tươi cỏ tốt, non thì cứ vui.
 千年鶴鶴枝連理 Nghìn năm «giao-ước kết đôi».
 水水山山志不渝 Non non nước nước không nguôi lời thề.

Tác giả: TÂN - ĐÀ

CHÍ LÀM TRAI

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
 Nợ tang-bồng vay trả, trả vay.
 Chí làm trai, nam, bắc, đông, tây,
 Cho phỉ sức vẫy-vùng trong bốn bể...
 Nhân-sinh tự cổ thùy vô tử?
 Lưu thủ đan-tâm chiếu hân thanh.
 Đã hẳn rằng: ai nhục, ai vinh?
 Mấy kẻ biết anh-hùng khi vị-ngộ.
 Cũng có lúc mưa dầm sóng vỗ.
 Quyết ra tay buồm-lái với cuồng-phong...
 Chí những lắm xẻ núi lấp sông,
 Làm nên tiếng phi-thường đâu, đấy tỏ,
 Đường mây rộng thênh-thênh cử bộ,
 Nợ tang-bồng trang-trắng võ tay reo.
 Thanh thời... thơ túi, rượu bầu.

Tác giả: NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

男兒志 阮公著

天地間縱橫縱
 男兒志南北東西
 人生自古誰無死
 休論定誰辱誰榮
 亦有時狂風暴雨
 志欲謀劈山寨海
 雲路寬康莊舉步
 逍遙詩囊酒匏

桑蓬債貸我我貸
 俾充沛掙扎於四海
 留取丹心照汗青
 幾許識英雄當未遇
 決施展經綸把舵手
 享非常榮譽到處睹
 桑蓬債清債鼓掌嘯

註：桑蓬；古代國君之世子生，射人以桑弧蓬矢六，射天地四方，祝該兒將來有所事業。昔文天祥為元兵所執，過零丁洋作詩云：『辛苦遭逢起一經，干戈落落四周星。山河破碎風飄絮，身世浮沉雨打萍。惶恐灘頭說惶恐，零丁洋裏歎零丁。人生自古誰無死？留取丹心照汗青！』一經：十二年。惶恐灘在江西省萬安縣。零丁洋在珠江出口處。

SÀU

Xuân sàu mang - mang tác thiên địa !
Giống ở đâu vô ảnh vô hình ?
Khéo mờ - mờ quanh-quẩn bên mình ,
Khiến ngẩn-ngẩn, ngo-ngo đủ chứng ?
Hỏi trăng gió, gió trăng hò-hững,
Ngắm cỏ hoa, hoa cỏ ngậm ngùi.
Gươm đoạn sàu, thơ trực muộn đủ rồi,
Còn leo-đeo vô trung sinh hữu.
Dục phá sàu thành tu dụng tửu,
Tuý tự tuý đảo, sàu tự sàu.
Tửu với sàu như gió mã ngư,
Trong lai-láng biết tránh đâu cho khỏi ?
Càng tài tử càng nhiều tình trái,
Mỗi sàu kia do tình ấy mà ra.
Mua sàu . . . tại kẻ tài hoa.

Tác giả : **NGUYỄN-CÔNG-TRÚ**

愁

阮公著

春愁茫茫塞天地
甚悵惘盤桓守
問風月月風淒清
聊將詩劍驅愁走
欲破愁城須用酒
酒與愁如風馬牛
愈是才子愈撩情
買愁正因妙手

無形無影緣何有
痴痴迷迷徒自咎
望花草草花悠久
仍蹀躞無中生有
醉自醉倒愁自愁
歷劫茫茫復何有
愁思遍發情場後

註：阮公著 (1778-1859) 字存質，號悟齋，別號希文，河靜省儀春縣咸遠社人。懷抱大志 賦性曠達，有名士風度。昇沉明命、紹治、嗣德三朝仕途數十載，經營錢海，金山兩大屯田晚年，退隱山林，以詩酒娛志。

TẶNG HAI Ả HỒNG - TUYẾT

Murōu : Nước nước biếc ; non non xanh,
Sớm tình, tình sớm ; trưa tình, tình trưa.
Nhớ ai năm tháng đợi chờ.
Nhớ người độ ấy bây giờ là đây . .

Hát : Hồng hồng, tuyết tuyết !
Mới ngày nào còn chưa biết cái chi chi.
Mười lăm năm thấm-thoát có xa gì ?
Ngoảnh mặt lại đã đến kỳ tơ liễu.
Tích ngã lãng du khanh thượng thiếu.
Kim khanh hứa giá ngã thành ông.
Cười cười nói nói sượng-sùng (thẹn thùng)
Mà bạch phát với hồng nhan cùng ái ngại.
Riêng một thú Thanh - Sơn đi lại,
Khéo ngày ngày dai dai với tình . .
Đàn ai, gảy khúc Dương tranh ?

Tác giả : **DƯƠNG - KHUÊ**

贈鴻雪兩姝 楊奎

(歌引) 水水碧，山山青
年年月月長思卿
(歌詞) 鴻鴻雪雪
十五年荏苒瞬間事
昔我浪遊卿尚少
忸怩說說笑笑
怎得個青山來往
揚箏彈曲窈窕

朝朝想，暮暮情
伊人秋水今叙離情
想當日雖齡無知曉
回頭來經已成陰了
今卿許嫁我成翁
而白髮對紅顏心相表
恁痴痴迷迷情調

註：楊奎 (1839-1902) 號雲池，河東省山明縣雲亭縣人，嗣德二十一年舉進士，任北圻經畧參佐。

TRÙNG PHÙNG

Hốt ức lục thất niên tiền sự,
 Trãi trắng hoa chưa trả nợ hương nguyên.
 Đến bây giờ lại gặp người quen,
 Nỗi lưu lạc sự ghét ghen là thế nhỉ.
 Thiếp tự thân khinh lang vị khí,
 Thần tuy tội trọng để do liên.
 Can chi mà tội phạm hồn duyên?
 Để son phấn đàn em thêm khúc-khích!
 Ý trung nhân tự khả tình tương bạch,
 Thôi bút nghiên đàn sếch (phách) cũng đều sai.

Trông nhau nói nói cười cười

Tác giả: DƯƠNG-KHUÊ

重 逢 楊 奎

忽憶六七年前事	酬花債未酬繾綣債
到如今重逢嬋娟	流浪事妒妬恨仍眷戀
妾自身輕郎未棄	臣雖罪重帝猶憐
千卿底怨份恨緣	給妹葦脂粉添輕軟
意中人自可情相白	噫! 筆硯彈拍都差遠
相顧說說笑笑	

註：上篇楊公所贈紅雪兩妹乃續姑之女，本文重逢乃贈芹娘與午娘。詞藻音律，俱佔歌籌文藝之魁。

NGÁN ĐỜI

Thế sự thăng trầm, quân mạc vấn;
 Yên ba thâm xứ hữu ngư châu.
 Vắt tay nằm nghĩ chuyện đầu đầu,
 Dem mộng sự độ với chân-thân thì cũng hết.
 Duy giang thượng chi thanh phong,
 Dữ sơn gian chi minh nguyệt.
 Kho trời chung, mà vô tận của mình riêng,
 Cuộc vương tròn phó mặc khuôn-thiên;
 Kẻ thành thị, kẻ vui miền lâm tảo.
 Gõ dịp lấp, đọc câu «Tương tiễn tửu»:
 «Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai,
 Bôn lưu đảo hải bất phục hồi»,
 Làm chi cho một một đời!

Tác giả: CAO-BÁ-QUÁT

厭 世 高伯适

世事昇沉君莫問	煙波深處有漁舟
思量藉首見悠悠	把夢境比較真身亦何有
惟江上之清風	與山間之明月
無盡藏天賦與任取收	論方圓凭彼無咎
或城市或樂兮林藪	擊楫歌一曲將進酒
君不見黃河之水天上來	奔流到海不復回
真勞形役引憂	

註：高伯适字周臣，賦性傲漫，文筆磊落。嘗獲嗣德皇讚賞：「文如超适無前漢，詩到從綏失盛唐」蓋譽阮文超、高伯适、從善王、綏理王四人之詩文，比美漢唐也。然高因不善逢迎，故鬱鬱不得志 1854 年以反狀被處死刑。

VỊNH HÀN TÍN

So tam-kiệt ai bằng Hàn-Tín ?
 Một tay thu muôn dặm nước non
 Những ngổ rằng khoán-thiết thư-son,
 « Thái-son như lệ, Hoàng-hà như đá ».
 Hạp tảo Ngũ-hồ song Phạm-Lãi,
 Khước giáo tam-kiệt độc Trương-Lương ?
 Đau đớn thay ! điều tận cung tàng,
 Đàm Vân-Mộng phải mắc mưu con trẻ !
 Nếu biết chữ « khả hành khả chỉ »,
 Thời ngũ hồ một lá cho xong.
 Làm chi... lúng túng trong vòng ?

Tác giả : NGUYỄN-KHUYẾN

詠 韓 信 三元安堵阮勸

比三傑誰如韓信
 誰料云鐵券朱書
 盡早五湖雙范蠡
 傷心哉烏盡弓藏
 若識句可行可止
 緣何環裏傍徨

一手收萬里山河
 泰山如礪黃河如帶
 却教三傑獨張良
 雲夢潭中計於小子
 則五湖一葉完了

註：封爵之誓曰：使河如帶，泰山如礪，國以永寧，爰及苗裔。
 鐵券：形如瓦，外刻履歷，恩赦之詳，以紀其功，中鑄免罪減祿之數，以防其過。字嵌以金各分左右；左頒功臣，右藏內府，有故則合之以取信。

五湖：胥、蠡、洸、隔、太。

按：阮勸先生(1835-1909)安堵鄉人。嗣德間連舉解會狀三元，中年矚目時艱，辭官歸里，隱逸娛志。

Phong cảnh Hương-Sơn

Bầu Trời cảnh Bụt.

Thú Hương-sơn ao-ước bấy lâu nay !
 Kia non non, nước nước, mây mây.
 «Đệ-nhất động» hỏi là đây có phải ?
 Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái ;
 Lững-lơ khe yển cá nghe kinh.
 Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
 Khách tang-hải giạt mình trong giấc mộng.
 Này suối Giải-oan, Này chùa Cửa-vông,
 Này am Phật-tích, này động Tuyết-quỳnh,
 Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,
 Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt.
 Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,
 Gập-ghenh mấy lối uốn thang mây,
 Chừng giang-sơn còn đợi ai đây ?
 Hay tạo-hóa khéo ra tay sắp đặt ?

Tác giả : CHU-MẠNH-TRINH

香山風景 朱孟禎

天寶佛境
 幾許山川雲水渺溟
 梅林婉轉鶯求友
 忽耳畔一聲搗杵
 解冤泉復進網門寺
 五彩石玲瓏若編織
 崎嶇幾徑轉雲梯
 看江山還待誰品題

香山區多時已夢縈
 [第一洞]可是此途徑
 燕瀾徜徉魚聽經
 滄桑客乍覺夢魂驚
 佛蹟庵又入雪炯洞
 瞥然望誰巧圖形
 縹渺一洞籠月影
 嘆玄機安排此化境

註：香山在河內西南，屬河東省美德鄉，每年春季，四方香客到瞻仰者，絡繹不絕。

朱孟禎(1862-1905)性豪放曠達與潘孟名同為北越詩壇祭酒，著有青心才人詩集、香山日程歌、香山風景歌等。

Nên đi xa mà học

Nam-nhi mắc nợ tang-bồng,
Dọc ngang trời rộng, vẫy-vùng bể khơi.
Đưa nhau lên chốn vũ-đài,
Văn-minh tiến-bộ, cùng người chen đua.
Ai đi khắp mặt địa-cầu?
Phi-châu ai kiếm, Mỹ-châu ai tìm?
Nguyệt-cầu còn kẻ muốn lên,
Mở miền Nam-cực, thăm miền Bắc-dương.
Quản bao nguy-hiểm gian-nan,
Chí bền vững chí, gan càng chắc gan.
Quanh quanh trong xóm, trong làng,
Ếch ngồi đáy giếng thấy đàng đi đâu...
Mịt-mù biển thánh rừng-nhu,
Ngọc tìm trong núi, châu mò đáy sông.
Xin ai đèn sách ra công,
Nợ công-danh trả cho xong mới là...

Tác giả: DƯƠNG-BÁ-TRẠC

要遠行求學 楊伯濯

男兒負桑蓬債
相率步上舞台
誰人行遍地球
月球還有欲上
管甚危險艱難
盤桓村中鄉里
茫茫聖海儒林
勤君燈卷用功

天空海濶掙扎縱橫
文明進步與人競爭
非洲誰我美洲誰尋
開南極境探北冰洋
志更穩定肝更確堅
蛙坐井底識途如何
玉尋山洞珠摸海涯
酬功名債方算完成

註：繼1905年維新風潮之後，阮權，吳德繼，梁玉肝組織東京義塾，旨在喚醒國魂。楊伯濯此作乃當時得力文章之一。一九四五平公歿於星洲，骨灰歸葬西貢。

HỒ NHỚ RỪNG

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thuở tung-hoành hống-hách những ngày xưa...
Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả, cây già,
Vớ tiếng gió gào ngàn, vớ giọng nguồn hét núi,
Vớ khi thét khúc trường ca dữ-dội,
Ta bước chân lên, đông-dặc đàng-hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp-nhàng,
Vờn bóng âm-thăm, lá gai, cỏ sắc...
Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan.
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang-san ta đổi mới?...
Đâu những bình-minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng-bừng?
Đâu những chiều lênh-láng máu sau rừng,
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay-gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí-mật?
— Than ôi! thời oanh-liệt nay còn đâu?

Tác giả: THẾ-LỮ
(1934)

虎思林世侶

我永生在情傷懷想
憶山林景樹老影濃
與一曲長歌吼激烈
凌隻身如洶湧波濤
誰又料黃昏泉水畔
當那天雨轉四方岸
怎得個平明青日沐
怎昏夜血淋漓後林
俾佔取自我的秘密

曾縱橫喧嘩於昔日
與風聲嘯岸與泉流唱山
我舉步上勇敢堂皇
玩影深沉荊葉茅草
我酣醉長飲明月缺
我靜賞山河致如斯
鳥歌聲喧鬧我迷夢
我等待酷烈日寂息
嘆哉！轟烈時今安在

評：本詩以被困猛虎喻落魄英雄，浩氣凜烈，意在言外，誠傑作也。
註：世侶原名阮超禮，擅作新派詩，著有自嘲、放蕩人、金與血等作品，刊於風化旬報。(1934)

BÀI HÁT ĐỐ

猜謎歌 (男問)

卿知何處五門 Ờ đâu năm cửa, nàng ơi!
 何河六曲順流一面 Sông nào sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng?
 何河半濁半清 Sông nào bên đục, bên trong?
 何山盤谷而生聖人 Núi nào thất cổ bông mà có thánh sinh?
 清化何山最靈 Đền nào thiêng nhất tỉnh Thanh?
 何處而有仙建古城 Ờ đâu lại có cái thành tiên xây?
 何處是九霄雲 Ờ đâu là chín tầng mây?
 何處多水何處多金 Ờ đâu lắm nước, ở đâu nhiều vàng?
 何寺內裏有坑 Chùa nào mà lại có hang?
 何處多材卿可知否 Ờ đâu lắm gỗ thời nàng biết không?
 何人取得銅囊 Ai mà xin lấy túi đồng?
 何處而有銀河懸流 Ờ đâu lại có con sông Ngân-Hà?
 何國錦綉山河 Nước nào dệt gấm, thêu hoa?
 何人始創有家有門 Ai mà sinh ra cửa, ra nhà, nàng ơi?
 何人煉石補天 Kia ai đội đá vá trời?
 何人治水使民安居 Kia ai trị thủy cho đời được yên?
 兄試出此數謎 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 請卿細猜何處何人 Xin em giảng rõ từng nơi, từng người!

ĐÁP CÂU ĐỐ

猜謎語 (女答)

河內城五門，郎啊 Thành Hà-Nội năm cửa, chàng ơi!
 水注六曲六頭河 Sông Lục-đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
 上江水半濁半清 Nước sông Thượng bên đục, bên trong;
 牟德山蓬結生聖 Núi Đức thánh Tản thất cổ bông mà lại có thánh sinh.
 靈聖殿清化景幽勝 Đền Sòng thiêng đẹp nhất tỉnh Thanh
 諒山絕頂神仙築城 Ờ trên tỉnh Lạng, có thành tiên xây.
 天上有九霄雲 Trên trời có chín tầng mây,
 汪洋淵聚麗水金生 Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.
 香蹟寺築在山坑 Chùa Hương-tích mà lại ở hang;
 材木出各處山林 Trên rừng lắm gỗ thời chàng biết không?
 阮明空求得銅囊 Ông Nguyễn-minh-Không xin được túi đồng;
 碧天際橫跨銀河 Trên trời lại có con sông Ngân-Hà.
 中國江山織錦綉花 Nước Tàu dệt gấm, thêu hoa,
 有巢氏宜室宜家 Ông Hữu-Sào sinh ra cửa, ra nhà chàng ơi!
 煉石補天是女媧 Bà Nữ-Oa đội đá vá trời;
 大禹治水民安居 Vua Đại-Vũ trị thủy cho đời yên vui.
 阿郎所問諸謎語 Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
 解答詳明意若何 Em xin giảng rõ từng nơi từng người.

惜餘春詞 溫如春(聊齋)

TÍCH DƯ XUÂN TỪ

因恨成痴，轉思作想，日日為情顛倒。

Giận quá hóa si, nhớ càng mang tưởng,
trần-trọc vì tình nên nổi.

海棠帶醉，楊柳傷春，同是一般懷抱。

Hoa say ngủ mệt, liễu tiếc xuân tàn,
chẳng cùng lòng tơ một mối?

甚得新愁舊愁，劃盡還生，便如青草。

Biết bao sầu đắp sầu đông, hầu hết lại sinh,
cỏ xanh thay đổi.

自別離，祇在奈何天裏，度將昏曉。

Niềm biệt-ly, chỉ ở trong chốn không đâu,
qua lần sớm tối.

今日個，感損春山，望穿秋水，道盡已拚棄了。

Ngày nay lại: nước thu mỗi mắt, non nhạt chau mày,
thôi bỏ, bỏ đành chịu lỗi.

芳衾妬夢，玉漏驚魂，要睡何能睡好。

Chăn cù ngán mộng, giọt ngọc mê hồn, muốn ngủ.
ngủ sao được vội.

漫說長宵似年，僕視一年比更猶少。

Đêm dài thường nói như năm, này một trống canh,
quá một năm mong mãi.

過三更已是三年，更有誰人不老。

Ba trống canh thì lại quá ba năm,
mấy chốc ra người có tuổi.

Nguyên văn bài từ "Tích dư xuân" trong Liêu-Trai

Dịch gải: **Nữ sĩ HOÀI - CHÂU**

註：中國詞曲，鮮能繙譯，惟懷珠女士以明慧之質，細加雕鍊，
再經潘梯瀛先生潤飾，故文筆流利，興趣盎然。

歸去來辭

QUI KHÚ LAI TỪ

歸去來兮

田園將蕪胡不歸

既自以心為形役

奚惆悵而獨悲

悟以往之不諫

知來者之可追

實迷途其未遠

覺今是而昨非

舟搖搖以輕颺

風飄飄而吹衣

問征夫以前路

恨晨光之熹微

乃瞻衡宇

載欣載奔

僮僕歡迎

稚子候門

三徑就荒

松菊猶存

携幼入室

有酒盈樽

引壺觴以自酌

眄庭柯以怡顏

倚南窗以寄傲

審容膝之易安

園日涉以成趣

門雖設而常關

策扶老以流憩

時矯首而遐觀

雲無心以出岫

鳥倦飛而知還

Đi về sao chẳng về đi,

Ruộng hoang vườn rậm còn chi không về,

Đem tâm để hình kia sai khiến,

Còn ngâm ngùi than vắn với ai:

Ăn năn thì sự đã rồi,

Từ đây nghĩ lại biết thôi mới là.

Lối đi lạc chữa xa là mấy,

Nay khôn rồi chẳng đại như xưa,

Con thuyền thuận nẻo gió đưa,

Gió hây hây áo, thuyền lơ lửng chèo.

Hỏi hành khách lối nào đi tới,

Bóng mập mờ trời mới rạng đông;

Miền quê nẻo trước xa trông,

Chân hăm hở bước đường mong tới nhà.

Chạy đón chủ năm ba dặm tới,

Đứng chờ ông mấy đứa trẻ con;

Rậm rì ba khóm con con,

Mấy cây tùng cúc hây còn như xưa.

Tay dặt trẻ vào nhà mừng rỡ,

Rượu đầu dây đã chứa đầy vò;

Thoạt người tay đã nghiêng hồ,

Cười nom sân trước thấp tho mấy cành.

Ngồi giểu cọt một mình trước sổ,

Khéo cùng hay vừa chỗ rung đùi;

Thăm vườn dạo thú hôm mai,

Cửa dù có, vẫn then cài như không.

Chống gập dạo quanh vườn lại nghĩ.

Ngắm cảnh trời khi ghé trông lên;

Mây dùn mây đám tự nhiên,

Chim bay mỗi cánh đã quen lối về.

景翳翳以將入
撫孤松而盤桓
歸去來兮
請息交以絕遊
世與我而相遺
復駕言兮焉求
悅親戚之情話
樂琴書以消憂
農人告予以春及
將有事於西畴
或命中車
或棹孤舟
既窈窕以尋壑
亦崎嶇而經丘
木欣欣以向榮
泉涓涓而始流
羨萬物之得時
感吾生之行休
已矣乎寓形宇內復幾時
曷不委心任去留
胡為乎遑遑
欲何之
富貴非吾願
帝鄉不可期
懷良辰以孤往
或植杖而耘耔
登東皋以舒嘯
臨清流而賦詩
聊乘化
以歸盡
樂夫天命
復奚疑

Bóng chiều ngả bốn bề bát-ngát,
Quanh góc tùng tựa mát thanh-thời;
Từ đây về thực về rồi,
Thôi xin từ tuyệt với người vãng lai.
Vì ta đã với đời chẳng hiệp,
Cần chi mà giao thiệp với ai;
Chuyện trò thân thích mấy người,
Bạn cùng đèn sách khi vui đỡ buồn,
Người làm ruộng ôn tồn hỏi chuyện,
Tới xuân rồi sắp đến việc ta;
Hoặc truyền sắm sửa cân xa,
Hoặc khi dừng đỉnh thuyền ra coi đồng.
Dưới khe nọ nước vòng uốn éo,
Bên đường kia gò kéo gập ghềnh,
Cỏ cây mơn mớn màu xanh,
Suối tuôn róc rách bên ghềnh chảy ra.
Ngắm muôn vật đương mùa tươi tốt,
Ngán cho ta thời trót già rồi;
Thôi còn mấy nổi ở đời,
Khứ lưu sao chẳng phóng hoài tự nhiên.
Có chi nghĩ thêm phiền tắc dạ,
Đi đâu mà tất tả vội chi;
Giàu sang đã chẳng biết gì,
Cung tiên chưa dễ hẹn kỳ lên chơi.
Chi bằng lúc chiều trời êm ả,
Việc điền viên vất vả mà vui;
Lên cao hát một tiếng dài,
Xuống dòng nước chảy ngâm vài bốn câu.
Hình thể này mặc dầu tạo-hóa,
Tới lúc nào hết cả thì thôi;
Lòng ta phó với mệnh trời,
Đừng ngờ chi nữa cứ vui vẻ hoài.

Tác giả : ĐÀO - TIỀM
Dịch giả : TỪ - LONG

NGŨ-LIỄU TIÊN-SINH TRUYỆN

Tiên-sinh không biết là người hạng nào, và cũng không rõ họ tên là gì. Cạnh nhà có năm cây liễu, nhân thế mà gọi là Ngũ-Liễu tiên-sinh. Tính người nhàn tĩnh, ít nói, không mê đường vinh-lợi hay đọc sách, không cần hiểu nghĩa lắm, mỗi khi có linh-ngộ, thì mừng hơn hờ mà quên ăn. Tính lại thích rượu, nhà nghèo, không có vốn mà uống; thân bằng biết ý, thường đặt cuộc rượu mời đến uống, uống phải đến say mới nghe. Say rồi hoặc về, hoặc ở, thế nào cũng được, chưa khi nào ngần ngại chút nào. Nhà ở tường vách tiêu-diêu, không đủ che kín được mưa gió và mặt trời, đeo áo rách, rá cơm, bầu nước, không có gì, vẫn vui vẻ như thường vậy. Lại hay làm văn-chương để cầu vui, và để tỏ cái ý-chí của mình; quên hết cả sự hay dở, cứ thế mà trợn đời.

Tán rằng: Kiền-Lâu có nói: « Không ngậm-ngùi về sự nghèo hèn, không nóng nảy về sự phú-quý », ngẫm lời ấy, hầu cũng như người ở trong truyện này. Ngâm chén rượu ngâm thơ, để cho vui lòng, người đó là dân của họ Vô-hoài ru? là dân của họ Cát-thiên ru?

Tác giả : ĐÀO - TIỀM

Dịch giả : PHAN-KẾ-BÍNH

五柳先生傳 陶潛

先生不知何許人也，亦不詳其姓字，宅邊有五柳樹，因以為號焉。閑靜少言，不慕榮利。好讀書，不求甚解，每有會意，便欣然忘食。性嗜酒，家貧不能常得，親舊知其如此，或置酒而招之。造飲輒盡，期在必醉，既醉而退，曾不吝情去留。環堵蕭然，不蔽風雨，短褐穿結，簞瓢屢空，晏如也。常著文章自娛，頗示己志，忘懷得失，以此自終。贊曰：黔婁有言，不戚戚于貧賤，不汲汲于富貴。味其言，茲若人之儔乎？唧臨賦詩，以樂其志，無懷氏之民歟？葛天氏之民歟？

註：潘繼炳(1875-1921)號應文，河東省環龍縣遂溪社人，一九〇六年中舉人，主編燈鼓叢報、東洋雜誌、中北新聞、學報等各報誌，為越南報界先進者。

ĐĂNG-VƯƠNG-CÁC-TỰ

滕王閣序 王勃

南昌故郡
洪都新府
星分翼軫
地接衡廬
襟三江而帶五湖
控蠻荆而引甌越
物華天寶
龍光射牛斗之墟
人傑地靈
徐孺下陳蕃之榻
雄州霧列
俊彩星馳
臺隍枕夷夏之交
賓主盡東南之美
都督閻公之雅望
蔡戟遙臨
宇文新州之懿範
襜帷暫駐
十旬休暇
勝友如雲
千里逢迎
高朋滿座
騰蛟起鳳
孟學士之詞宗
紫電清霜
王將軍之武庫
家君作宰路出名區
童子何知躬逢盛饌
時維九月
序屬三秋

Nam-xương quận cũ là đây,
Hồng-đô phủ mới ngày rày đổi tên.
Hai sao Dực, Chấn đôi bên,
Đất đai liên tiếp một nền Hoành-lô.
Ba sông kia với năm hồ,
Man-kinh Âu Việt dư đồ gồm thâu.
Vật hoa thiên bảo lâu lâu,
Gươm linh chói sáng Đẩu, Ngưu một đàng.
Địa linh nhân kiệt rõ ràng,
Trần Phồn riêng chiếm chiếc sàn Từ-quân.
Hùng-châu ngút tỏa mây xung,
Sao giăng bao bọc anh hùng chen vai.
Trong vùng Di-Hạ những ai,
Đông nam chủ khách rất người hào hoa.
Họ Diêm Đê-độc từ xa,
Cũng đem kiếm kích thẳng qua đóng đây.
Tân-châu người ngựa đông đầy,
Dưới thềm tạm trú những ngày vui tươi.
Mười tuần thông thả nô cưỡi,
Bạn bè đủ mặt thấy người tài cao.
Dặm nghìn đón rước anh hào,
Đây tòa chật ních biết bao nhân tài.
Rồng bay phụng múa hòa hai,
Từ-tôn Mạnh-sĩ còn ai dám bì.
Thanh-sương tử-diên là đây,
Tướng-quân Vương-thị oai nghi rõ ràng.
Gia-quân Lệnh-doãn Nam-bang,
Ngây thơ may được dự hàng thanh-diên.
Giờ đây tháng chín thu thiên,
Bên tai đã dứt giọng thuyền nhật khoan.

潦水盡而寒潭清
煙光凝而暮山紫
儼驂騑於上路
訪風景於崇阿
臨帝子之長洲
得仙人之舊館
層巒聳翠上出重霄
飛閣流丹下臨無地
鶴汀鳬渚窮島嶼之榮迴
桂殿蘭宮列岡巒之體勢
披繡闥俯雕甍
山原曠其盈視川澤盱其駭矚
閭閻撲地鐘鳴鼎食之家
舸艦迷津青雀黃龍之軸
虹銷雨霽
彩徹雲衢
落霞與孤鶩齊飛
秋水共長天一色
漁舟唱晚
響窮彭蠡之濱
雁陣驚寒
聲斷衡陽之浦
遙吟俯唱逸興遄飛
爽籟發而清風生
纖歌凝而白雲遏
睢園綠竹
氣凌彭澤之樽
鄴水朱華
光照臨川之筆
四美具二難并
窮睇眄於中天
極娛遊於暇日
天高地迥
覺宇宙之無窮

Nước đầm lạnh ngắt sáng choang,
Núi chiều ửng đỏ khói tàn mây bay.
Sâm, Phi ngựa chạy cả bày,
Gò cao phong cảnh suốt ngày ngao du.
Trải qua đẽ-tử trường-chu,
Dấu tiên quán cũ ở đâu chốn này.
Lầu cao vượt núi chen mây,
Nao nao giòng nước cuộn quây trước nhà.
Hạc le vầy múa phù-sa,
Trong cung thơm phức những là quế lan.
Phòng thêu mở cửa trông sang,
Núi non chắt ngắt sông ngàn mênh-mông.
Trong nhà la-liệt đình chung,
Thuyền rồng chen-chúc đổ cùng mê-tân.
Mống tan mưa tạnh lân-lân,
Chiều hôm một vẻ trong ngần trắng phau.
Cò bay ránh lạng lẫn nhau,
Sông thu trời rộng một màu như in.
Ban chiều Ngư-phủ hát lên,
Bên hồ Bành-Lãi vang rền trước sau.
Lạnh lùng bày nhận gọi nhau,
Hoành-dương dứt nẻo, kêu gào tạm ngưng.
Biết bao ngâm vịnh lầy lừng,
Kèn vang gió mát, ca ngừng mây giăng.
Vườn Kỳ xanh ngút tre măng,
Hỏi xông Bành-trạch càng tăng chén vàng.
Văn-nhân đất Nghiệp muôn ngàn,
Lâm-xuyên sử sách rõ ràng bút hoa.
Tứ-mỹ có, nhị-nan đà...,
Trên đời như thế, chi là thú hơn.
Nhìn xem bích-thủy thanh sơn,
Vui chơi thông thả dọc ngang tháng ngày.
Thênh thang trời rộng đất dày,
Biết rằng vũ-trụ xưa nay khôn cùng.

興盡悲來
識盈虛之有數
望長安於日下
指吳會於雲間
地勢極而南溟深
天柱高而北辰遠
關山難越誰悲失路之人
萍水相逢盡是他鄉之客
懷帝闕而不見
奉宣室以何年
嗚呼！時運不齊
命途多舛
馮唐易老
李廣難封
屈賈誼於長沙
非無聖主
竄梁鴻於海曲
豈乏明時
所賴君子安貧
達人知命
老當益壯寧知白首之心
窮且益堅不墜青雲之志
酌貪泉而覺爽
處涸轍以猶懼
北海雖賒
扶搖可接
東隅已逝
桑榆非晚
孟嘗高潔
空懷報國之心
阮籍猖狂
豈效窮途之哭
勃三尺微命
一介書生

Vui buồn hai lẽ đi chung,
Doanh hư có số, cùng thông có ngày.
Trường-an xa-tít hướng tây,
Trông về Ngô-hội gác mây gặp-gheñh.
Sát miền Nam-bể thênh-thênh,
Nhìn ra Bắc-đầu tốt bên kia trời.
Ai thương thất lộ những người?
Nước bèo gặp gỡ chung đời tha hương.
Cửa Vua thăm-thăm dặm trường,
Gọi về Tuyên-thất chưa tường năm nao?
Than ôi! Thời vận làm sao?
Mạng đồ lắm lúc ba đào ngửa ngang.
Tuổi già đã dục Phùng-Đường,
Tướng quân Lý-Quảng khôn phương phong hầu.
Vua hiền chẳng phải không đâu!
Mà người Giả-Nghị dãi-dầu Trường-sa.
Lương-Hồng hải-khúc đầy xa,
Há rằng Vũ-đế lại là bất minh!
An bản quân tử định ninh,
Những người sáng suốt ắt minh lẽ trời.
Tóc lau trắng chí khôn rời,
Khi cùng cang vưng chẳng dời lòng son.
Suối-thum uống cũng khỏe ngon,
Ao khô ở cũng vương tròn vui tươi.
Đường đi Bắc-hải xa khơi,
Gió đưa nhẹ bước gặp thời càng nhanh.
Đông-ngung đã mất thôi đành,
Tang-du thu lại ai giành, đặng đâu.
Tấm lòng báo quốc khu-khu,
Mạnh Thường cao khiết ngàn thu dám bì!
Cùng-đồ tiếng khóc ai bi,
Diên cường Nguyễn-Tịch hay gì noi theo
Trẻ thơ chút phận bọt bèo,
Tấm thân ba thước học theo đường nào.

無路請纓
等終軍之弱冠
有懷投筆
慕宗慤之長風
舍簪笏於百齡
奉晨昏於萬里
非謝家之寶樹
接孟氏之芳鄰
他日趨庭叨陪鯉對
今晨捧袂喜託龍門
揚意不逢
撫凌雲而自惜
鍾期既過
奏流水以何漸
嗚呼勝地不常
盛筵難再
蘭亭已矣
梓澤丘墟
臨別贈言
幸承恩於偉饒
登高作賦
是所望於羣公
敢竭鄙誠恭疏短引
一言均賦四韻俱成

滕王高閣臨江渚
佩玉鳴鑾罷歌舞
畫棟朝飛南浦雲
朱簾暮捲西山雨
閒雲潭影日悠悠
物換星移幾度秋
閣中帝子今何在
檻外長江空自流

Thỉnh anh chưa biết lối vào,
Chung-Quân còn đợi lúc nào lệnh ra.
Chí lắm ném bút vinh hoa,
Trường phong Tông-Xác mới là ước mong.
Trăm năm trăm hốt buồng giồng,
Đường dài muôn dặm thỏa lòng tỉnh thân.
Tạ-gia cây báu dăm vâng,
Tiếp theo Mạnh-thị phương-lân vui vầy.
Qua sân Khổng-Lý sau này,
Long-môn mừng đặng có ngày hôm nay.
Lãng-vân phú, ngâm ngùi thay,!
Họ Dương vắng mặt biết ngày nào đây?
Bá-Nha đã gặp Chung-Kỳ,
Khúc đàn lưu-tửu còn gì hổ-han.
Than ôi! Thắng địa không thường.
Thanh-diên đâu có dễ dàng như chơi!
Lan-dinh ngày trước đâu rồi?
Kìa nơi tử-trạch một đời gò hoang.
Ra đi xin tặng mấy hàng,
Mong ơn dự tiệc về vãng hôm nay.
Đặng-cai tác phú từ đây,
Hoặc lời thơ bi quý ngài miễn cho.
Bài này chẳng chút hay ho,
Dâng lên bốn vận rõ cho tác thành.

x
x x

Gác Đằng-Vương bên sông cao ngất,
Múa ngọc, loan, đã dứt trò xưa.
Cột sơn Nam-phổ mây bay sớm,
Sáo về Tây-sơn tối cuốn mưa.
Đáy nước vẫn-vơ mây một vầng,
Sao dời vật đổi biết bao lần?
Con vua trên gác nay đâu nhỉ?
Dòng nước bên rào chảy chẳng ngừng.

Tác giả: **VƯƠNG-BỘT**
Dịch giả: **SONG - THU**

註：雙秋女士名范春芝，與冰心女士名黎氏鶯，同為越南孔學會著名女詩人。客春聯誼來訪，饋以滕王閣序譯本，余感其意，持贈以龍齋詩集，亦桃李投報之意云耳。

祭石曼卿文 歐陽修

VĂN TẾ THẠCH MAN-KHANH

嗚呼曼卿 生而為英，死而為靈，其同乎萬物生死，而復歸於無物者，暫聚之形不與萬物共盡，而卓然其不朽者後世之名。

Than ôi, Man-Khanh!

Sống đã là anh,

Thác hẳn là linh.

Ôi! cùng muôn vật cùng sống thác, mà sau cùng về cõi hết, trăm năm tạm gửi ấy là hình;

Chẳng cùng muôn vật cùng về cõi hết, mà còn mãi không hề mục-nát, nghìn thu lưu lại ấy là danh.

此自古聖賢莫不皆然，而著在簡冊者，昭如日星。

Thánh-hiền từ xưa cũng đều như thế, còn ghi trong sử-sách sáng rõ rành-rành.

嗚呼曼卿 吾不見子久矣，猶能髣髴子之平生，其軒昂磊落，突兀崢嶸，而埋藏於地下者，意其不化為朽壤，而為金玉之精。

Than ôi, Man-Khanh!

Ta đã lâu chẳng thấy gã vậy, nhưng còn nhớ gã lúc bình-sinh.

Gã hiên-ngang lỏi-lạc, đột ngột chênh-vênh.

Mà nay chôn-vùi nơi dưới đất, chắc chẳng nổi nào mục-nát, mà hóa làm ngọc trắng vàng tinh.

不然，生長松之千尺，產靈芝而九莖，奈何荒煙野蔓，荆棘縱橫，風淒露下，走燐飛螢。

但見牧童樵叟，歌吟而上下。與夫驚禽駭獸，悲鳴蹢躅而咿嚶，今固如此，更千秋而萬歲兮，安知其不穴狐貉與鼯鼯。

Chẳng thời làm nghìn thước cây thông biếc, chín chồi cỏ chi xanh.

Sao đây khói lửa tàn cỏ rậm, gai góc trùm quanh,

Ma trời gió lạnh, đom đóm sương thanh;

Chỉ thấy kẻ chăn trâu, người kiếm củi, hát reo và qua lại, cùng với chim bay thú chạy, kêu thương hót nhớ những buồn tênh.

Nay đành là thế, nhưng nghìn muôn năm về sau vậy, biết đâu chả là hang hồ-lạc với tổ ngô-sinh.

此自古聖賢，亦皆然兮，獨不見夫蒙蒙乎曠野與荒城。嗚呼曼卿！盛衰之理，吾固知其如此，而感念疇者，悲涼悽愴，不覺臨風而隕涕者，有愧夫太上之忘情。

Dầu Thánh-hiền từ xưa cũng đều như thế vậy, kia trơ-trơ nằm đất nơi khoáng-dã với chốn hoang-thành.

Than ôi, Man-Khanh!

Xem nhẽ thịnh-suy ta vẫn biết là như thế, nhưng cảm-hoài nổi trước, thương đau chua-xót, khi tới đó khôn ngừng rơi lệ, thẹn cho so với bậc vong tình.

Tác giả: **ÂU - DƯƠNG - TU**

Dịch giả: **PHAN-MẠNH-DANH**

岳陽樓記 范仲淹

慶歷四年春，滕子京謫守巴陵郡，越明年，政通人和，百廢具興，乃重修岳陽樓，增其舊制，刻唐賢今人詩賦於其上，屬予作文以記之。予觀夫巴陵勝狀，在洞庭一湖；啣遠山，吞長江，浩浩蕩蕩，橫無際涯；朝暉夕陰，氣象萬千，此則岳陽樓之大觀也。前人之述備矣。然則北通巫峽，南極瀟湘，遷客騷人，多會於此，覽物之情，得無異乎？若夫霪雨霏霏，連月不開，陰風怒號，濁浪排空，日星陰曜，山嶽潛形，商旅不行，檣傾櫓摧，薄暮冥冥，虎嘯猿啼，登斯樓也，則有去國懷鄉，憂謫畏譏，滿目蕭然，感極而悲者矣！至若春和景明，波瀾不驚，上下天光，一碧萬頃，沙鷗翔集，錦鱗游泳，岸芷汀蘭，郁郁青青。而或長烟一空，皓月千里，浮光耀金，靜影沉璧，漁歌互答，此樂何極，登斯樓也，則有心曠神怡，寵辱皆忘，把酒臨風，其喜洋洋者矣。嗟呼，予嘗求古仁人之心，或異二者之為，何哉？不以物喜，不以己悲，居廟堂之高，則憂其民，處江湖之遠，則憂其君。是進亦憂，退亦憂，然則何時而樂耶？其必曰：先天下之憂而憂，後天下之樂而樂歟？噫！微斯人，吾誰與歸？

NHẠC-DƯƠNG-LẦU KÝ

Mùa xuân, năm thứ tư niên-hiệu Khánh-lich, ông Đằng-Tử-Kinh phải trích ra làm thái-thú quận Ba-lăng, đến năm sau, chính-sự thông-đạt, lòng người vui-vẻ, phàm việc gì từ trước phế-thỉ, đều sửa lại cả. Bèn sửa-sang lại lầu Nhạc-dương, khắc những thơ phú của các nhà hiền-sĩ từ đời Đường đến nay ở trên lầu, cậy ta làm bài ký.

Ta ngắm xem: Cảnh đẹp nhất của Ba-lăng là hồ Động-đình, ngậm bóng núi, nuốt nước sông, mờ-mờ man-mác, không biết

dâu là bờ; ánh sáng buổi sớm, bóng đêm ban chiều, khí tượng muôn nghìn thay đổi, đây thật là một cái đại quan của lầu Nhạc-dương, mà người xưa đã trước-thuật nhiều rồi. Song Động đình mặt bắc thông đến núi Vũ-giáp, mặt nam thông đến suối Tiêu-Tương, là những chỗ hay tụ-hội của những người trích-giang, và những bọn tao-ngâm, không biết đối với phong-cảnh chốn này, nỗi cảm-xúc của những bậc người ấy có khác nhau không?

Khi mưa dầm gió bắc, trăng sao mù-mịt, sông núi lơ-mờ, thuyền buồn đóng bến, lái gầy mui lật, chiều hôm tối đen, hổ gào vượn hú, ai lên lầu này, xa nước nhớ làng, lo sợ sần-báng, mà lại trông thấy cảnh tiêu-diêu ở trước mặt, tất phải cảm mà thương khóc vậy.

Khi mùa xuân êm-ái, sóng gió im lặng, chân trời mặt nước, xanh biếc một màu, đàn chim cá bay lội tự-do, cỏ quang bờ xanh tươi mơn-mởn. Hay là khi một trời khói trắng, muên dậm trắng trong, sáng nổi lớp vàng, bóng chìm hạt ngọc, tiếng hát của bọn thuyền chài, xướng họa theo chiều gió, ai lên lầu này, tâm khoáng thần di, quên cả vinh nhục, uống rượu hóng gió mát, vui biết là chừng nào!

Than ôi! Đến như ta, sao ta muốn tìm xem lòng của các bậc nhân-nhân đời xưa, lại thấy khác hẳn với sự buồn và sự vui vừa nói ở trên này: không vì cảnh-vật mà mừng, cũng không vì thân thể của mình mà buồn, ở chỗ như trên lăng miếu, thì lo dân, ở chỗ xa như ngoài giang-hồ, thì lo vua, thế là tiến cũng phải lo, mà thoái cũng phải lo vậy. Song thế thì lúc nào được vui? Tất phải trả lời rằng: «Khi lo, là lo trước cái lo của thiên-hạ, khi vui, là vui sau cái vui của thiên-hạ». Than ôi! nếu không được người như thế, thì ta cùng với ai?

Tác giả: PHẠM-TRỌNG-YÊM

Dịch giả: BÙI-KÝ

BÀI THUYẾT YÊU BÔNG SEN

Có khá nhiều bông hoa cây cỏ, sanh sống ở trên mặt đất hay dưới đầm ao, đều đáng cho ta yêu cả.

Ông Đào-uyên-Minh, đời nhà Tấn chỉ yêu thích bông cúc. Nhưng từ nhà Đường dòng họ Lý về sau, người đời lại mến yêu bông mẫu-đơn. Còn tôi thì khác hẳn, tôi chỉ yêu thích bông sen, vì nó rất thanh-nhã, tuy nó mọc ở bùn lầy, nước đục, nhưng không nhuộm mùi tanh hôi nào, vầy nó nước trong trẻo mà cũng chẳng có chút chi yếu-mị, còn cái hình dáng của nó, trong cộng thì trống rỗng, bề ngoài thì ngay thẳng, không lan-tràn mà cũng không chi nhánh, mùi thơm nó xa chừng nào lại thanh chừng nấy, nó đứng ngay ngắn không có một chút uốn cong, mà lại còn có một tính-nết lạ-lùng, thì người ta có thể đứng ngắm ở xa, nếu muốn rõ-rẫm nó thì không được.

Tôi nghĩ rằng: bông cúc, tựa như nhà ẩn-sĩ, bông mẫu-đơn, tựa như kẻ phú-quý, còn bông sen thì tựa như những bậc quân-tử.

Tiếc thay! ít còn người có sự mến yêu bông cúc, như ông Đào-uyên-Minh. Người biết mến sen, như tôi cũng hiếm, và sự yêu bông mẫu-đơn, thì có nhiều người lắm đa.

Tác giả : CHÂU-ĐƠN-DI

愛蓮說 周敦頤

水陸草木之花，可愛者甚蕃，晉陶淵明獨愛菊，自李唐來，世人甚愛牡丹。予獨愛蓮之出淤泥而不染，濯清漣而不妖，中通外直，不蔓不枝，香遠益清，亭亭淨直，可遠觀而不可褻玩焉。予謂菊，花之隱逸者也。牡丹，花之富貴者也。蓮，花之君子者也。噫！菊之愛，陶後鮮有聞，蓮之愛，同予者何人？牡丹之愛，宜乎衆矣！

TIỀN XÍCH-BÍCH PHÚ

前赤壁賦 蘇東坡

壬戌之秋
七月既望
蘇子與客
泛舟遊於赤壁之下
清風徐來
水波不興
舉酒屬客
誦明月之詩歌窈窕之章
少焉月出於東山之上
徘徊於斗牛之間
白露橫江
水光接天
縱一壑之所如
凌萬頃之茫然
浩浩乎如馮虛御風
而不知其所止
飄飄乎如遺世獨立
羽化而登仙
於是飲酒樂甚
叩舷而歌之
歌曰：桂棹兮蘭槳
擊空明兮泝流光
渺渺兮予懷
望美人兮天一方
客有吹洞簫者倚歌而和之
其聲嗚嗚然
如怨如慕
如泣如訴

Năm Nhâm-tuất đương chừng tháng bảy,
Tết Trung-nguyên đã xảy ngày rằm,
Ông Tô cùng bạn đồng tâm,
Buồng thuyền Xích-Bích dạo tìm thú chơi.
Gió hây hây chiều về lác đác,
Sóng êm êm mặt nước vơi vơi,
Chén quỳnh cùng khách chúc mời,
Tụng thơ Minh-nguyệt hát lời Quốc-phong.
Trăng chợt thấy trên vùng Đông-nhạc,
Bóng lờn quanh giữa khoảng Đẩu-Ngưu,
Sương trắng toát, nước trong veo,
Sương ngang mặt bến nước se da trời.
Buồng một lá thuyền trôi sông rộng,
Rộn muôn tầng sóng lộng giòng khơi,
Rẽ như cỡi gió lưng trời,
Lênh đênh nào biết là nơi đỗ ngừng.
Như đắc đạo đứng dừng Thế-giới,
Mà thoát hình lên tới Thiên-cung,
Rượu say lòng những vui lòng,
Bên thuyền dịp gõ bên sông hát đàn.
Hát chèo quế buồm lan giữa giòng,
Đề bóng trăng mặt sóng ngược giòng,
Nổi riêng canh cánh bên lòng,
Nhớ mong người đẹp trông cùng trời xa.
Khách thổi sáo theo ca hát họa,
Tiếng dầy tai rộn rã nẫu-nà,
Như hờn như giận thiết-tha,
Lại như tiếng khóc cùng là tiếng kêu.

餘音嫋嫋
 不絕如縷
 舞幽壑之潛蛟
 泣孤舟之嫠婦
 蘇子愀然正襟危坐
 而問客曰何為其然也
 客曰
 月明星稀
 烏鵲南飛
 此非曹孟德之詩乎
 西望夏口東望武昌
 山川相繆勢乎蒼蒼
 此非孟德
 之困於周郎者乎
 方其破荊州
 下江陵順流而東也
 舳舻千里
 旌旗蔽空
 酙酒臨江
 橫槊賦詩
 固一世之雄也
 而今安在哉
 況吾與子漁樵於江渚之上
 侶魚蝦而友麋鹿
 駕一葉之扁舟
 舉匏樽以相屬
 寄蜉蝣於天地
 渺滄海之一粟
 哀吾生之須臾
 羨長江之無窮
 挾飛仙以遨遊
 抱明月而長終
 知不可乎驟得
 託遺響於悲風
 蘇子曰：客亦知夫
 水與月乎

Nghe lẻo-dẻo còn lẻo hát mãi,
 Kéo dài-dài như sợi tơ vương,
 Ngồi từ giải náu múa mang,
 Thuyền vo mụ góa động thương sứt-sùi.
 Ông Tô bỗng bồi hồi xốc áo,
 Ngồi hỏi: sao sầu nào thế ư?
 Khách rằng: xưa có câu thơ
 Trăng trong vắng vặc, sao thừa lơ mờ.
 Chim thước lượn lơ mờ nam-cực,
 Ấy thơ Tào-mạnh-Đức phải không?
 Võ-xương Hạ-khẩu tây đông,
 Quanh quanh sông trắng, trùng trùng non xanh.
 Trận thủy chiến lừng danh Mạnh-Đức,
 Trước hỏa công thua sức Chu-du,
 Vừa khi đánh vỡ Kinh-Chu,
 Hạ giang-Lăng đoạn xuôi đò về đông.
 Đắt nghìn dặm chật giòng tàu đóng,
 Trời bốn phương rợp bóng cờ phong,
 Nhân nhân đặc ý vẫy vùng,
 Qua sông chuốc rượu, ngã dòng ngâm thơ.
 Tiếng anh hùng đời xưa lừng lẫy,
 Đến bây giờ nào thấy ở đâu?
 Huống ta vớt củi buông câu,
 Lừa đôi tôm cá bạn bầu hươu nai.
 Thả thuyền nhỏ chèo bơi vi-vút,
 Cất bầu tròn keo rót khuyên mời,
 Xác vờ gửi đất gửi trời,
 Nhỏ teo hột thóc, lớn ngoài bể mênh.
 Thương cái kiếp sinh sinh mấy chốc,
 Khen con sông khúc khúc khôn cùng,
 Ngao du thỏa thích trọn vòng,
 Ngày ôm tiên rượu, đêm bông trăng chơi.
 Biết như thế có tài chi được,
 Gửi tiếng thương vào trước gió hay,
 Ông Tô rằng: khách có hay,
 Kia kia nước đó, này này trăng đây.

逝者如斯
 而未嘗往也
 盈虛者如彼
 而卒莫消長也
 蓋將自其變者而觀之
 則天地曾不能以一瞬
 自其不變者而觀之
 則物與我皆無盡也而又何羨乎
 且夫天地之間
 物各有主
 苟非吾之所有
 雖一毫而莫取
 惟江上之清風
 與山間之明月
 耳得之而為聲
 目寓之而為色
 取之無禁
 用之不竭
 是造物者之無盡藏也
 而吾與子之所共適
 客喜而笑洗盞更酌
 肴核既盡杯盤狼藉
 相與枕藉乎舟中
 不知東方之既白

Nước ấy vẫn đêm ngày chảy mãi,
 Mà chưa từng động lại dù đây,
 Trăng kia chỉ thấy khuyết đầy,
 Mà chưa mòn nhón chưa hay thấy nào.
 Từ khi biến trông vào xem đấy,
 Đất trời bằng một nháy mà thôi,
 Từ khi chẳng biến mà coi,
 Thì vật cùng ta chẳng hết rồi khen chi.
 Và trong khoảng trời che đất chỗ,
 Vật gì đều ở có chủ nay,
 Ví chẳng phải của ta rày,
 Dầu từ mảy mọn chớ hay tơ hào.
 Bên mặt nước ào ào gió thổi,
 Với đầu non rò rọi trăng soi,
 Hứng lòng tai mắt cùng vui,
 Gió nghe ra tiếng, trăng coi nên màu.
 Mặc sức lấy ai hầu cấm đó,
 Tha hồ tiêu nào có hết đâu,
 Ấy kho vô tận dồi dào,
 Ta cùng người nhè mặc dầu thích chơi.
 Khách mừng rỡ miệng cười tay rót,
 Nhấm cạn rồi mâm bát lung tung,
 Trong thuyền tựa gối song song,
 Quá say nào biết phương đông sáng rồi.

Tác giả: **TÔ-ĐÔNG-PHA**

HẬU XÍCH-BÍCH PHÚ

後赤壁賦 蘇東坡

是歲十月之望
步自雪堂將歸於臨皋
二客從余
過黃泥之坡
霜露既降
木葉盡脫
人影在地
仰見明月
顧而樂之
行歌且答
已而歎曰
有客無酒有酒無肴
月白風清
如此良夜何
客曰今者薄暮舉網得魚
巨口細鱗狀如松江之鱸
願安所
得酒乎
歸而謀諸婦
婦曰我有斗酒
藏之久矣
以待子不時之需
於是携酒與魚
復遊於赤壁之下
江流有聲
斷岸千尺
山高月小
水落石出
曾日月之幾何
而江山不可復識矣
予乃攝衣
而上

Năm Tuất ấy tháng mười ngày vọng,
Từ tuyết đường về đóng Lâm-Cao,
Theo ta đôi bạn lan giao,
Lối vào thẳng nẻo qua đèo Hoàng-Nê.
Sương tuyết xuống ướt nhè vùng đất,
Lá cây rơi trọc tểch ngàn rừng,
Đêm rừng lờ lợ sáng trưng,
Bóng người dưới đất cung trăng giữa trời.
Đoái ngắm cảnh này vui yêu mến,
Đi hát đàn trò chuyện dong chơi,
Đã đi chép miệng mấy lời,
Khách đây nào rượu, rượu thời nào nem.
Kìa trăng sáng gió thêm mát nhí.
Nửa đêm thanh ngời nghĩ suông chẳng?
Khách rằng đêm ấy chài quăng.
Cá đâu miệng vẩy dáng bằng Tùng-lô.
May sao khéo sẵn đồ nhấm đó,
Tính thế nào được số rượu nay,
Vội vàng về bảo vợ hay,
Vợ rằng: ta có rượu nay một bình,
Để chờ sẵn ta dành giấu đó,
Đội bắt thần chàng có dùng đây,
Bèn đem cá rượu đi ngay,
Dưới sông Xích-Bích ta bày tiệc chơi.
Một giòng nước chảy xuôi ranh rách
Nghìn thước bờ đứng vách trơ trơ,
Núi cao trăng nhỏ lơ lơ.
Nước xuôi xuôi xuống, đá trờ trờ ra,
Từng ngày tháng trôi qua mấy độ,
Mà non sông dẫu nọ khôn nhìn,
Ta bèn ôm áo bước lên.
Chơi vùng núi cỏ, chơi miền đá cây.

履巉巖
披蒙茸
踞虎豹
登虬龍
攀栖鵲之危巢
俯馮夷之幽宮
蓋二客不能從焉
劃然長嘯草木震動
山鳴谷應
風起水湧
予亦悄然而悲
肅然而恐
凜乎其不可留也
反而登舟
放乎中流
聽其所止而休焉
時夜將半
四顧寂寥
適有孤鶴
橫江東來翅如車輪
玄裳縞衣戛然長鳴
掠予舟而西也
須臾客去
予亦就睡
夢一道士羽衣蹁跹
過臨皋之下
揖予而言曰
赤壁之遊樂乎
問其姓名俛而不答
嗚呼噫嘻吾知之矣
疇昔之夜飛鳴而過我者
非子也耶
道士顧笑
予亦驚悟
開戶視之
不見其處

Núi hiểm cao, chân rầy chèo tới,
Cỏ rậm um tay bới lần quanh,
Qua đá đỏ, trái cây xanh,
Ngồi đèo hổ báo, leo ngành cầu long.
Tổ thể hạc vịn cùng chót vót,
Cung Bằng-di dòm hút hòm hom
Dồn chân hai khách đứng nom,
Kêu âm tiếng rầy một chòm cỏ cây.
Núi reo động hang rầy vang động,
Gió bỗng lên, nước cũng nổi lên,
Ta nay cũng tránh lòng phiền,
Càng nên pháp-phông hóa nên hải hùng.
Nơm nớp sợ thể không dừng ở,
Lần lần lui mà trở lại thôi,
Lên thuyền buôn giữa giòng xuôi,
Để trôi lơ lững mà ngồi nghỉ ngơi.
Năm canh nguyệt đêm thời hầu nửa,
Bốn phương trời cảnh rứa vắng không,
Hạc đâu bỗng thấy ngang sông,
Phượng đông bay lại cánh vòng bánh xe.
Vết đen trắng chừng ve tiếng hát,
Lướt thuyền ta bay vút về tây,
Thoát thôi khách cáo lui ngay.
Ta cùng đi ngủ vừa say giấc nồng.
Thấy Đạo-sĩ áo lông sồi sọc,
Qua Lâm-cai gót ngọc lân la,
Chấp tay mà nói cùng ta,
Rằng sông Xích-Bích chơi đã vui chẳng?
Hỏi tên họ chẳng từng đáp trả,
Ồi than ôi! ta đã biết rồi,
Đêm qua bay lại kêu sồi,
Qua thuyền ta ấy phải người này chẳng.
Người mỉm miệng đoái chừng mắt thánh,
Ta giật mình bỗng tỉnh hồn tiên,
Rèm châu tay mở mắt nhìn,
Bằng khuâng nào thấy hiển nhiên chốn nào.

Tác giả: TÔ-ĐÔNG-PHA

遷都詔 李太祖公蘊

昔商家至盤庚五遷，周室建成王三徙，豈三代之數君俱徇己私，妄自遷徙？以其宅中圖大，為億萬世子孫之計，上謹天命，下因民願，苟有便輒改，故國祚延安，風俗富阜。而丁黎二氏乃徇己私，忽天命，罔蹈商周之迹，常安厥邑于茲，致世代弗長，算數短促，百姓耗損，萬物失宜。朕其痛之，不得不徙。況高王故都大羅城，宅天地區域之中，得龍蟠虎踞之勢，正南北東西之位，便江山向背之宜，其地廣而平坦，厥土高而爽塏，民居歲昏墊之困，萬物極繁阜之豐；遍覽越邦，斯為勝地。誠四方輻輳之要會，為萬世帝王之上都，朕欲因此地利，以定厥居，卿等以為如何？

Bài chiếu dời đô của Lý-thái-Tổ

Xưa, nhà Thương đến vua Bàn-canh năm lần dời, nhà Chu đến vua Thành-vương hai lần dời, há rằng mấy vua trong đời Tam-Đại đó theo ý riêng mình mà tự can bậy dời đổi hay sao? Chỉ vì muốn mưu toan nghiệp lớn, ở nơi chính giữa, lo lắng sẵn cho con cháu muôn đời, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có tiện lợi thì thay đổi liền, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại cứ theo riêng ý mình, quên cả mệnh trời, không noi dấu cũ của nhà Thương, nhà Chu, để yên đô ấp ở đây, đến nỗi triều đời không dài, số vận ngắn ngủi, trăm họ hao sút, muôn vật không hợp, trăm rất đau đớn về chỗ đó, không thể không dời đi. Huống chi, thành Đại-la là kẻ chợ cũ của Cao-vương, ở giữa trời đất bờ cõi, được thể rồng bò hổ ngồi, chính được ngôi vị của các miền nam bắc đông tây, tiện sự gánh vác vào quảy ra của sông núi, vùng đất của nó vừa rộng vừa bằng phẳng, mực đất của nó vừa cao vừa sáng sủa, dân ở không phải lo về sự ngập lụt, muôn vật lại được rất mực thịnh giàu. Ngắm khắp đất Việt, chỉ có đây là thắng địa, thật là nơi hội hợp then chốt của bốn phương châu lại, và là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời! Trăm muốn nhân cái địa lợi ấy để định làm chỗ ở, các người cho là thế nào?

Dịch giả: NGÔ-TẤT-TỔ

註：公元一〇一〇年，李太祖自華閩峒遷都昇龍城，故有上述之詔。

諭諸裨將檄文 陳國峻 興道王

余嘗聞之：紀信以身代死而脫高帝，繇子以背受戈而蔽昭王，豫讓吞炭而復主帥，申翦斷臂而赴國難，敬德一小生也。身翼太宗而得免世充之圍，杲卿一遠臣也，口罵祿山而不從逆賊之計；自古忠臣義士，以身殉國，何代無之？設使數子區區為兒女子之態，徒死牖下，烏能名垂竹帛，與天地相為不朽哉？汝等世為將種，不曉文義，既聞其說，疑信相半。古先之事，姑且勿論，今余以宋韃之事言之。王公堅可人也？其裨將沅文立又何人也？以釣魚鎖鎖斗大之城，當蒙古堂堂百萬之鋒，使宋之生靈至今受賜！骨突兀郎何人也？其裨將斥修思又何人也？冒瘴癘於萬里之途，蹶南詔於數旬之頃，使魏之君長至今留名！況余與汝等，生於擾攘之秋，長於艱難之際，竊見偽使往來，道途旁午，掉鵠景之寸舌，而凌辱朝廷，委犬羊之尺軀，而倨傲宰輔，托蒙古之命而策玉帛，以事無已之謀求，假雲南王之號而高金銀，以竭有限之帑庫，譬猶以肉投餓虎，寧能免貽患也哉？

余臨餐忘食，終夜撫枕，泗涕交頤，心腹如搗，常以未能食肉寢皮，茹肝飲血為恨也。余雖以百身，膏於草野，余之千屍，裹於馬革，亦願為之。

汝等久居門下，掌握兵權，無衣者則衣之以衣，無食者則食之以食，官卑則遷其職，祿薄則給其俸，水行給舟，陸行給馬，委之以兵，則生死同其所為，進之在寢，則笑語同其所樂，其視公堅之為偏裨，兀郎之為副貳，亦未下爾。汝等坐視主辱，曾不為憂，身當國耻，曾不為愧，為邦國之將，侍立夷酋，而無忿心，聽太常之樂，宴餐偽使，而無怒色；或闢難以為樂，盛賭博以為娛，或事田園以養其家，或應妻子以私於己，修生產之業而忘國家之務，恣田獵之遊而怠攻守之習，或甘美酒，或嗜淫聲。脫有蒙韃之寇來，雄雞之距，不足以穿虜甲，賭博之術，不足以施軍謀，田園之富，不足以贖千金之軀，妻孥之累，不足以充軍國之

用，生產之足不足以購虜頭，獵犬之力不足以驅虜衆，美酒不足以酹虜軍，淫聲不足以聳虜耳；當此之時，我家臣主受縛，其可痛哉！不惟余之采邑被削，而汝等之俸祿亦爲他人之所有，不惟余之家小被驅，而汝等之妻孥亦爲他人之所虜，不惟余之祖宗社稷，爲他人之所踐侵，而汝等之父母墳墓亦爲他人之所發掘，不惟余之今生受辱，雖百世之下，臭名難洗，惡名長存，而汝等之家聲，亦不免爲敗將矣。當此之時，汝等雖欲肆其娛樂，得乎？

今余明告汝等，當以厝火積薪爲危，當以懲羹吹虀爲戒，諫練士卒，習研弓矢，使人人逢蒙，家家后羿，景必烈之頭於闕下，腐雲南之肉於藁街，不惟余之采邑永爲清甌，而汝等之祿亦終身之受賜，不惟余之家小得安床蓐，而汝等之妻孥亦百年之偕老，不惟余之宗廟萬世享祀，而汝等之祖父亦春秋之血食，不惟余之今生得志，而汝等百世之下芳名不朽。不惟余之美名永垂，而汝等之姓名亦留芳於青史矣。當此之時，汝等欲不爲娛樂得乎？

今余歷選諸家兵法爲一書，名曰：「兵書要畧」，此等或能專習是書，受余教誨，是夙世之臣主也，或暴棄是書，違余教誨，是夙世之仇讎也。何則？乃不共戴天之讎，汝等既恬然不以雪恥爲念，不以除凶爲心，而又不教士卒，是倒戈迎降，空奉受敵。使平虜之後，萬世遺羞，尚何面目立於天地覆載之間耶？故欲汝等明知余心，因筆以檄云。

註：公元二八四年秋，陳興道王領二十萬兵抗元，爲鼓勵士氣，因有上述之檄文。

荊陽被困，紀信代降而救漢王劉邦。

吳破楚，楚昭王流亡漢水，王孫由于以背受戈障賊。

申闢本草澤英雄，殷末，輔周而興。

智伯被殺，國士豫讓誓殺趙襄子以復主仇。

唐王李世民受王世充，單雄信困厄，賴尉遲恭以免。

顏真卿守常山，城陷不降，罵安祿山而死。

Bài hịch dụ các tỳ - tướng

Ta thường nghe : Kỷ - Tín lấy thân chết thay, cứu thoát được vua Cao-đế ; Do-Vu chìa lưng chịu giáo, che-chở được Chiêu-vương, Dự-Nhượng nuốt than để trả thù cho thầy, Thân-Khoái chặt tay để gánh nạn cho nước ; Uất-trì Cung, một viên tướng nhỏ, còn biết che đỡ Đường-chủ, ra khỏi vòng vây của Thố-Sung ; Nhan Cao - Khanh là bầy tôi xa, còn biết mắng-chửi Lộc-Sơn, không nghe lời dụ của nghịch-tặc. Từ xưa, những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, lấy thân theo nước, đời nào là không có ? Nếu mấy người kia chăm chăm học thói dút-dát của con gái đũa trè, chẳng qua cũng đến chết rũ ở dưới cửa sỏ, đầu được ghi tên vào trong tre xanh lụa trắng, danh tiếng cùng trời đất cùng lâu bền ?

Các người đời đời là con nhà võ, không biết chữ nghĩa, nghe những chuyện ấy, thấy đều nửa tin nửa ngờ. Thôi thì những việc cổ xưa, hãy để đó, không nói đến nữa. Nay ta hãy đem chuyện của nước Tống, giống Thát (là chuyện gần đây) kể cho các người nghe : Vương - công - Kiên là người gì ? Nguyễn - văn - Lập, tỳ - tướng của y lại là người gì ? chỉ có vòng thành Điều-ngư lớn bằng cái đầu, hai người ấy chống nổi toán quân trăm vạn của Mông - Kha, khiến cho dân nước Tống ngày nay hãy còn nhờ ơn ! Cốt - ngại ngọt-lang là người gì ? Xích-tu-tư tỳ-tướng của y, lại là người gì ? xông-pha lam-trướng trên đường muôn dặm, hai người ấy đánh quệ được nước Nam - chiếu trong khoảng vài tuần, khiến cho vua chúa giống Thát, nay còn đề tiếng ! Huống chi ta với các người, sinh ra giữa buổi rối-ren, lớn lên nhằm khi khó-nhọc, chính mắt ngó thấy sự nguy đi lại, đường-xá nghẽn-ngang, chúng cái lưới cú-quạ, lăm nhục chốn triều đình ; chúng giờ cái thân chó dê, kêu ngạo với quan tề-phụ ; chúng chờ mệnh-lệnh của chúa Mông-cồ, mà đời nào ngọc nào lụa, sự vôi-vĩnh thật vô cùng ; chúng mượn danh hiệu của vua Vân-nam, mà hạch nào bạc nào vàng, của kho dựn đã hồ hết. Cung-dốn cho chúng, giống như đem thịt liệng cho cọp đói, sao khỏi nổi lo về sau ?

Ta thường tới bữa quên ăn, giữa đêm vỗ gối, nước mắt tràn xuống đầy mép, tấm lòng đau như bị đâm, vẫn lấy cái sự chưa thề ăn thịt năm da, nuốt gan uống máu của chúng làm tức. Dầu cho một trăm cái thân của ta phải đem lai láng nơi đồng cỏ, một nghìn cái thân của ta, phải đem bao bọc vào da ngựa, ta cũng vui lòng.

Các người lâu nay ở dưới cửa ta, cầm giữ binh quyền, thiếu áo thì mặc áo cho, thiếu ăn thì xả cơm đở, quan nhỏ cho lên chức, bổng ít cho thêm lương, đi thủy cấp thuyền, đi bộ cấp ngựa; những khi trận mạc, sự sống thác thầy chung với trò; những lúc mừng khao, tiếng vui cười ai cũng như nấy. So với Công-Kiên làm chức thiên-tý, Ngột-lang ở ngôi phó-nhi, có khác gì đâu. Thế mà người ngó chủ bị nhục, chẳng lấy làm lo, gặp nước bị dơ, chẳng lấy làm thẹn; làm tướng nhà nước, đứng hầu mấy đũa trùm mừng, mà không có lòng cảm-hờn; thấy khúc nhạc thờ, đem thết một tên không có vẻ tức giận; kẻ thì chơi gà cho thích, kẻ thì đánh bạc cho vui; có người chỉ chăm vườn ruộng, cốt nuôi được nhà; có người chỉ mền vợ con, lấy mình làm trọng; cũng có kẻ chỉ thích làm giàu làm có, việc quân-quốc chẳng thêm đoái-loại; cũng có người chỉ ham đi bắn đi săn, cách công-thủ không hề rèn-tập; hoặc là đam mùi rượu ngọt, hoặc là mê tiếng hát hay.... Một khi có giặc Mông-Thát đến nơi, thì cựa con gà nòi không thề đâm thủng áo giáp của giặc; thuật ở bài bạc không thề đem làm mưu-mẹo trong quân; vườn ruộng tuy giàu, tấm thân nghìn vàng khôn chuộc; vợ con tuy sẵn, trong đám ba quân khó dùng; của cải tuy nhiều, không thề mua được dầu giặc; chó săn tuy khỏe, không thề đuổi được kẻ thù; rượu ngon không đủ khiến quân giặc phải mê; hát hay không đủ làm tai giặc phải điếc. Lúc đó thầy trò nhà ta sẽ cùng bị trói, đáng đau đớn thay! Nếu thế, chẳng những thái-ấp của ta không còn mà bổng-lộc của các người cũng bị kẻ khác chiếm mất; chẳng những gia-quyển của ta phải đuổi, mà vợ con của các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã-tắc của tồ-tông ta sẽ bị người ta giày-xéo, mà đến mồ-mả của cha mẹ các người cũng bị kẻ khác đào bới; chẳng những thân ta kiếp này bị nhục, và trăm kiếp khác, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu vẫn còn, mà đến gia-thanh của các người

cũng không khỏi mang tiếng là nhà bại-tướng. Đã đến khi đó, các người muốn chơi bời thỏa chí được chăng?

Nay ta bảo rõ các người: Cái chuyện “dắm lửa đồng củi” phải lo, mà câu “sợ canh thối rau” nên nhớ. Các người hãy nên huấn-luyện quân lính, rèn-tập cung tên, khiến cho người người giỏi như Bồng-Mông, nhà nhà hay tựa Hậu-Nghệ, bêu đầu Tát-Liệt dưới cửa khuyết, ướp thịt Thoát-Hoan trong Trại-rơm (Laokay). Như thế, chẳng những thái-ấp của ta mãi mãi là gia-truyền, mà bổng-lộc của các người cũng được suốt đời hưởng-thụ; chẳng những gia-quyển ta luôn được yên ổn giường nệm, mà vợ con của các người cũng được sum-hạp đến già; chẳng những tồ-miêu của ta sẽ được muôn đời tế-lễ, mà tồ-tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đặc chí, mà đến các người dưới trăm đời nữa, tiếng thơm vẫn lưu-truyền; chẳng những tên tuổi của ta không bị mai-một, mà đến tên họ của các người cũng đề tiếng thơm trong sử xanh. Khi ấy, các người muốn không vui chơi được chăng?

Nay ta lựa chọn binh-pháp các nhà, làm một cuốn sách đặt tên là “Binh thư yếu-lược”. Các người nếu biết chuyên tập sách ấy, nghe lời thầy dạy bảo của ta, ắt là duyên thầy trò kiếp xưa: nếu mà bỏ-bê sách ấy, trái lời dạy bảo của ta, thế là mối cừu-thù kiếp trước. Sao vậy? Bởi thế, tức là cái thù không đội chung trời, diễm-nhiên không lo đến sự rửa thẹn, không tính đến việc trừ hung, không nhớ đến chuyện dạy-tập quân-sĩ. Thế là giờ giáo hàng giặc, nắm tay chống thù, các người sẽ phải đề thẹn muôn đời, còn mặt mũi nào mà đứng giữa khoảng trời đất che chở?

Ta muốn các người biết rõ bụng ta, nhân viết mấy lời đó để làm hịch.

Tác giả: **HUNG-ĐẠO-VƯƠNG TRẦN-QUỐC-TUẤN**

Dịch giả: **TRẦN-TRỌNG-KIM**

VĂN - TẾ VUA QUANG - TRUNG

祭光中帝文 王忻公主

Than rằng :

Chín tầng ngọc sáng bóng Trung - tinh, ngoài muôn dặm, cùng
trông về thụy ;

Một phút mây che vầng Thái - bạch, trong sáu cung thoát nhật
hơi hương.

Tơ đứt, tác lòng ly biệt,

Châu sa, giọt lệ cương thường.

嗚呼！九層玉皎潔光華，萬里外尚瞻翠色；一幅雲淒迷太白，
六宮內忽淡飄香。蘊離別之悲懷，肝腸寸斷；念綱常之大義，珠
淚長揮。

Nhớ phen bên Nhị thuận buồm, hội bá-việt chín châu lưng lầy;
Vừa buổi cầu Ngân sấn dịp, đoàn ý la đôi nước rõ ràng.

Hồn cầu đã nên nghĩa cả;

Quan san bao quản dặm trường.

憶昔耳岸帆張，旆鉞會九州威震；方今銀橋拍奏，綺羅團雙
水澄明。婚媾竟成大義，關山那管長程？

Nhờ lượng trên cung muôn tôn chu, tinh thần hiếu đã ngàn
chia đôi nước ;

Long thê cả trót đà về Hán, hội hồn-đồng chi cách trở một phương.

Lòng dẫu xót thấy cơn cách-chính ;

Thân lại nhờ gặp hội hưng vương.

追念尊周，親老情繫二國，緬懷歸漢，混和氣貫一方。心雖
傷乎革政，身乃逢於興王。

Thành-Xuân theo ngọn long kỳ, đạo tề trị gần nghe tiếng ngọc;

Cung-Hữu rạng màu đích-phất, tình ái ân muôn đời nhà vàng.

Danh phận ấy cây vụn trồng mọi vẻ ;

Nền nếp xưa, nhờ che chở trăm đường.

春城隨龍旗影，齊治道近聆玉音；右宮朗笛拍色，恩愛情蒙
戴金綸。名份倚仗，德澤陰垂。

Ơn sau nhuần gội cỏ cây, chén lãng tã chẳng phạm chồi du-tử;

Lộc nặng thơm tho hương khói, nơi miếu đường nào khuyết lễ
trưng thường.

Mọi nỗi mọi nhờ tròn vẹn ;

Một điều một được vẻ vang.

草木雨露，寤寐陵寢。馨香繚繞，蒸嘗廟堂。愈念愈思貞潔，
一點一滴光明。

Phép hằng gìn "hạc thực trước hoa" buồng khuê rạng khuôn
nội-tắc ;

Điềm sớm ứng "chung tư lân chí", phải lam thêm diễn thiên-hoàng.

Mấy chút chưa đèn đức cả ;

Gót đầu đều trọn ơn sang.

忍恆對鶴舞雀飛，聞範敢違夫內則；兆早卜龜斯麟趾，派行
願紹於天璣。高德未酬，深恩獨沐。

Đền Vị-ương bóng được bưng bưng, lòng cần mẫn vừa khi
dóng dả ;

Miền cực lạc xe mây vùn-vụt, duyên hảo cầu sao bỗng dở-dang.

盼未央宮殿燭光，憶勤敏宵旰不息；瞻極樂世界雲迷，悵好
速情緣乍斷。

Ồi ! gió lạnh buồng đào, rơi cảm nẩy sắt ;

Sương pha cung đỏ, hoen phấn mờ gương !

Tiệc này vui nhớ hây rành rành, dịp ca múa bỗng khuấy chừng
Thần-ngự :

Buổi châu chực tưởng còn phảng phất, chuông điểm hồi sao
vẳng chốn cảnh dương ?

噫！風冷桃房，琴零瑟落，霜飄紫帳，粉褪鏡茫。歌舞暫筵，
宸御依稀猶昔。鐘鼓趨朝，景陽彷彿安在？

Vấn vút mấy ! Bảy năm kết phát ;

Đau đớn thay ! Trăm nỗi đoạn trường.

Hang núi cũng phàn nàn đôi chốn ;

Cỏ, hoa đều xụi xụi mấy hàng.

Liều trâm hoa mong theo chốn chân du, da tóc trâm thân nào có tiếc ;

Ôm tưởng bảo lưỡng ngáp ngừng di thể, sửa mắng đôi chút
lại thêm thương.

春戀幾七年結髮，飲恨矣百結斷腸。山河黯淡，花木淒愴。
拚針釵翼逐真遊，膚髮百身莫惜；抱襁褓親臨遺體，血裔一滴增傷

Tiếc thay ! Ngày thoi thấm thoát ;

Bóng khí h. vội vàng,

Thuyền ngự-tọa đã ngang ghềnh Thái-thủy ;

Bánh long xa thẳng trở chốn Tiên hương.

Nẻo hoàng tuyền xa cách mấy trùng, ngao ngán thêm dừng cơn
biệt-duê ;

Chén bạch-thủy kính dâng một lễ, xét soi xin thấu côi dương gian !

哀哉！陳影迢遞，梭光荏苒。御船漫渡秦水，龍車直指仙鄉。
黃泉遠隔幾重，依憑別袂；白醴敬獻三杯，鑒察陽間。

NGỌC - HÂN công chúa

註：光中帝即阮惠，崩於1792年壬子。耳河即紅河。富春城即順化城。

三海湖山誌 潘廷槐

北伴省環咸皆山，層澗疊障，重繞羅列。省之西北，形尤奇崛，而當中獨秀，為山水之一大觀者，三海湖山也。三海何以名，湖水相連，如馬蹄形，故名。中突小山，曰馬鞍山，山有佛寺，不知自何辰代。異矣哉，山以海勝，海可樵而山可漁，造物若別儲佳境，以為遊人設也。湖頭有洞，洞中有溪，凡由江入湖者，須泛舟過此石屏，兩壁水不離山，深而平，曲而光，鬼刻神劃巧亦至矣。地舊屬太原省，白通州，自省蒞新設後，甫隸於助野州治。去年春余來斯土，濫膺方面之寄，遍覽山川，因而得勝焉。訪之土人，故老有告余曰：相傳南門社，頭黨村能江一段，兩岸沿山，一日忽山崩江遂塞，上流水淤溢出，激成源口而南門社陸沉，蓋自後黎保太平間事也。黎末十二郡公，劉北，黃老左輩均殉節於此，今環湖而居者，南敵社也，或南門之遺民也。又有告余曰：傳聞古辰是處土民，每護伽藍會，假妖道以罔利，民之不德，天降之殃，雷轟電掣，雨疾風狂，頃刻地陷一水汪洋，山而海之，殲彼豺狼，惟好施一嫗，幸免於禍，蓋得蛟龍化顯人形所預囑也。湖中數高阜，即嫗當日避居之遺蹟焉。顧余思之，桑田滄海，乃自然之天數，前之一說，固足有所憑信，若後之說，其事隣於荒誕，然能勸善懲惡，亦假神道以設教之深意也，姑並存之。且我國邊疆是最握要處，而黎臣之忠烈則於歷史上有大影響，雖舊無碑誌不可考，而迄今憑弔，猶想見英雄豪傑之風，可與此湖山而俱傳矣。況風會日開，道路日開，昔為盜賊藪，今為名勝區，而湖之名益顯於世界，辰運轉移之勢也。實惟國家經理之力也。却可惜者，此地登臨不少，而題詠則前無古人，抑江山若有待耶。余於是乎有感，感之不能無言，於是乎有誌，誌之而不容已，於是乎有詩：黎莫爭波久已平，烟雲如昨一湖清，休論桑海無窮事，見說蛟人有化形；劍馬英雄空淨地，仙龍山水自餘靈，祇今隔岸松濤響，猶似當年破賊聲。

啟定玖年甲子孟春，光祿寺少卿北伴省按察使，南定禮亭，
潘廷槐擬題 野市知洲韋文尚奉誌 日岩翻譯

BÀI KÝ NON NƯỚC BA-BỂ

Quanh thành tỉnh Bắc-cạn thuần núi, từng suối dãy chông, lần quanh la-liệt. Tây-bắc tỉnh, hình-thể càng lạ; mà chính giữa đẹp nhất trở nên một nơi đại-quan về sơn-thủy: Ấy là hồ núi Ba-bể vậy.

Cớ sao gọi tên là Ba-bể? Nước hồ liền nhau, như hình con ngựa quỳ, cho nên đặt tên như vậy. Giữa đột nổi một cái núi nhỏ, gọi là núi Yên-ngựa. Núi có chùa thờ Phật, không hiểu từ thời-đại nào. Lạ thay! Núi mà nổi danh là nhờ cái bể: bể kiếm củi được mà núi thì đánh cá được. Tạo-vật hình như xếp đặt cảnh đẹp để dành cho khách du-ngoạn. Đầu hồ có động, trong động có ngòi, phàm từ sông vào hồ, phải rồng thuyền qua khoảng giữa hai vách màn đá. Nước không rời núi, sâu mà phẳng, khuất khúc mà sáng sủa; quỳ khắc thần chạm, khéo đến dường nào!

Chỗ này, lúc trước, thuộc về tỉnh Thái-nguyên, châu Bạch-thông; từ sau khi đặt tỉnh-ly Bắc-cạn mới thuộc về châu Chợ-rã.

Mùa xuân năm ngoái, tôi đến chốn này, làm giữ chức-trách một địa-phương; khắp xem núi sông, nhận biết được nơi danh-thắng. Hỏi người thổ-trước thì một vị cố-lão thuật rằng:

— «Tương-truyền: thôn Đầu-đăng, xã Nam-môn, một đoạn sông Năng, hai bờ rẻo núi, một hòn, núi thành-linh lỗ, sông bị lấp, nước giồng trên lan-tràn, xoáy thành cửa hồ, mà bãi xã Nam-môn chìm mất! Ấy là việc khoảng niên-hiệu Bảo-thái nhà Hậu-Lê vậy (trước sau Tây-lịch 1.100 năm). Cuối đời Lê, 12 vị quận-công đánh giặc Mạc, bọn Hoàng, Lão, Tả, đều tuần-tiết ở đó! Nay ở quanh hồ là xã Nam-môn, có lẽ là dân Nam-môn còn sót lại».

Lại có người bảo rằng:

— «Tương-truyền: Thổ-dân chỗ này thường đặt hội Lam-già buôn Thần, bán Phật, để kiếm lợi; dân không được tốt, trời mới ra tay vật bọn sài-lang. Sấm động, sét vang, mưa tuôn, gió dữ, phút chốc đất sụp, thuần nước mênh-mông, núi biến thành bể. Duy có một bà lão hay bốc-thí, may khỏi vạ là nhờ con giao-long hóa hình người hủi mà bảo trước. Trong hồ có vài cái gò cao, tức là cái dấu cũ của bà lão lánh nạn lúc ấy vậy».

Nhưng tôi thiết nghĩ: biển dâu có đổi: hoặc giả là do thiên-số xui nên. Câu chuyện trước còn có chứng-cớ đủ tin, đến câu sau, tựa hồ hoang - đường. Nhưng khuyên lành răn ác, cũng là cái ý sâu - xa mượn thần-đạo để dạy người. Hai chuyện đều hẳn để cả.

Vả lại, biên-thùy nước ta, miền này ách-yếu hơn cả. Mà những bấy tôi trung-liệt đời Lê, có ảnh-hưởng lớn trên lịch-sử, dầu trước không có bi-chí, không thết ra xét, nhưng đến nay qua thăm, còn tưởng thấy cái phong-độ anh-hùng hào-kiệt có thể cùng truyền với hồ núi ấy. Huống chi phong-hội ngày mới, đường-sá ngày mở, xưa là tổ trộm cướp, nay là nơi danh-thắng, mà danh của hồ càng rõ-rệt trên thế-giới. Đó là cái thế thời-vận xoay đổi, mà cũng là nhờ sức sửa-sang của Quốc-gia.

Có điều đáng tiếc là chốn này du-lịch không ít mà đề vịnh thì trước rày không ai! Hay là giang-san còn chờ đợi ru? Ta vì thế mà cảm, cảm thì không thể không nói, nên mới có lời chí; chí thì không hết ý, nên lại có thơ:

Lê, Mạc tranh nhau, sóng đã bình,
Khói mây như cũ, nước hồ xanh.
Đừng bàn tang-hải không rồi chuyện,
Thấy nói giao-long có hóa hình.
Gươm, ngựa, anh-hùng tro bãi sạch.
Tiên, rồng, non-nước vắng hồn linh.
Bên bờ, nay thấy không vang sóng,
Tưởng tiếng năm xưa giặc bỏ mình!

Mùa xuân tháng giêng năm Giáp-tý niên-hiệu Khải-Định thứ chín.

Quang - lộc tự thiếu - khanh Ân-sát-sứ tỉnh Bắc - cạn, Nam - định
Lê-đình, Phan-đình-Hoè nghĩ đề.

Tri-châu châu Chợ-Rã Vi-văn-Thượng phụng chí.

Tác giả : PHAN-ĐÌNH-HOÈ

Dịch giả : NHẬT - NHAM

nuongmaitruongxua.v

Xuất bản lần thứ nhất ngày 1-9-1961

VIỆT-NAM VĂN-CHƯƠNG TRÍCH-DIỂM

越南文章摘艷

Biên soạn : **LÝ - VĂN - HÙNG**

編撰 : 李文雄

Ấn - loát : **nhà in CAWA**

承印 : 嘉華印刷公司

GIÁ MỖI CUỐN : 50\$

定價 每本五十元

Giấy phép số 1689/XB U.B.K.D. Saigon ngày 11-8-1961